**NHỮNG YẾU TỐ CỐT YẾU
TRONG GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH
VỀ ĐỜI TU**

Văn kiện này ra đời bốn tháng sau khi ban hành Bộ Giáo Luật (31-5-1983). Thực ra, lai lịch của nó lúc đầu rất hạn chế. Vào năm 1983, Đức thánh cha cử một uỷ ban giám mục Hoa Kỳ để thanh tra về tình hình các Dòng tu tại quốc gia này. Nhằm cung cấp tài liệu làm việc cho uỷ ban, người đã yêu cầu Bộ tu sĩ soạn thảo một văn bản tóm tắt những giáo huấn của Giáo Hội liên quan đến các Dòng chuyên về hoạt động tông đồ. Tuy ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử riêng biệt như vậy, nhưng văn kiện này lại chứa đựng một nội dung áp dụng được cho các Dòng tu tại những nơi khác trên thế giới.

Sau nhập đề giới thiệu nội dung, văn kiện được chia thành ba phần.

**Phần thứ nhất**

Trình bày bản chất thần học của đời tu (5-12). Đây là lần đầu tiên trong các văn kiện của Toà Thánh, khái niệm *“*thánh hiến” (consecratio) được phân tích tỉ mỉ dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Sự thánh hiến bắt nguồn từ sáng kiến của Thiên Chúa và được con người đón nhận với giao ước tình yêu. Qua bí tích thánh tẩy, người tín hữu thông dự vào sự thánh hiến của Đức Kitô. Các tu sĩ nhận được ơn thánh hiến đặc biệt nữa để theo Đức Kitô sát hơn. Ngoài ra, sự thánh hiến của các tu sĩ mang tính cách công khai trong Giáo Hội, qua việc tuyên khấn trong một Dòng tu.

**Phần thứ hai**

Liệt kê mười yếu tố cốt yếu của đời tu (13-53):

1. Thánh hiến bằng những lời khấn công
2. Hiệp thông trong cộng đoàn
3. Sứ vụ tông đồ
4. Cầu nguyện
5. Khổ chế
6. Chứng tá công khai
7. Tương quan với Hội Thánh
8. Việc huấn luyện
9. Việc quản trị
10. Đức Maria.

**Phần thứ ba**

Tóm tắt vài quy tắc giáo luật về các Dòng tu, theo thứ tự đánh số mới (1-49), chung quanh 11 điểm:

1. Ơn gọi và thánh hiến
2. Cộng đoàn
3. Chân tính
4. Khiết tịnh
5. Khó nghèo
6. Vâng lời
7. Cầu nguyện và khổ chế
8. Việc tông đồ
9. Chứng tá
10. Huấn luyện
11. Quản trị

****

**NHẬP ĐỀ**

**1**. (*Hai mươi năm canh tân gian khó*). Cuộc canh tân đời sống tu trì trong hai mươi năm qua, dưới nhiều khía cạnh, là một kinh nghiệm của lòng tin. Đã có những cố gắng can đảm và quảng đại để tìm kiếm, trong cầu nguyện và nghiên cứu, ý nghĩa của cuộc sống thánh hiến theo tinh thần Tin Mừng, dựa vào đặc sủng và những dấu chỉ của thời đại.

 Các hội dòng chuyên lo việc tông đồ còn cố gắng đương đầu với những thay đổi phát sinh do sự chuyển biến mau lẹ trong các xã hội họ được sai đến, cũng như sự phát triển do các tiến bộ truyền thông chi phối, cách tích cực hay tiêu cực, công tác truyền giảng Phúc Âm.

Đồng thời, các hội dòng đó cũng phải đối phó với những thay đổi đột xuất trong nội bộ: tuổi trung bình của các phần tử tăng lên, số ơn gọi thưa thớt, số thành viên sụt giảm, lối sống và sinh hoạt trở nên đa dạng, và thường có sự bất ổn trong việc nhận ra chân tính của mình. Tất cả những yếu tố đó đã tạo ra một tình trạng phức tạp, mang nhiều khía cạnh tích cực nhưng cũng đặt ra những vấn đề không nhỏ.

**2**. (*Văn kiện tổng hợp này giúp kiểm chứng*). Hiện nay, thời kỳ thử nghiệm đặc biệt mà tự sắc *Ecclesiae Sanctae* (II) đòi hỏi đã chấm dứt, nhiều hội dòng chuyên lo việc tông đồ bắt đầu kiểm điểm lại việc thử nghiệm của mình. Với hiến pháp đã được tu chính, được phê chuẩn, và Bộ giáo luật mới được đem ra áp dụng, các hội dòng bước vào một giai đoạn lịch sử mới của mình.

Vào lúc bắt đầu cuộc hành trình mới, các tu sĩ nghe thấy tiếng mời gọi mà Đức Gioan Phaolô II, vị chủ chiên, không ngừng nhắc lại, đó là *“*đánh giá một cách khách quan và khiêm nhượng những năm thử nghiệm, để nhận ra những yếu tố tích cực và những lệch lạc” (diễn văn tại Hiệp hội quốc tế bề trên tổng quyền các dòng nữ năm 1979; diễn văn trước các bề trên thượng cấp tại Pháp năm 1980).

Các bề trên và các tổng hội đã xin Thánh bộ chỉ đạo để lượng giá những năm qua và để hướng về tương lai. Các giám mục cũng xin được hướng dẫn, vì các ngài cũng có bổn phận đặc biệt là phải khuyến khích đời sống tu trì.

Và vì đã có một sự biến chuyển quan trọng, nên, do lệnh của Đức thánh cha, Bộ các tu sĩ và tu hội đời đã soạn thảo văn kiện này, nhằm đưa ra những nguyên tắc và những quy định căn bản. Mục đích là trình bày rõ ràng giáo huấn của Hội Thánh về đời tu vào một thời điểm đặc biệt có ý nghĩa và thích hợp.

**3**. (*Giáo huấn chứa đựng trong các văn kiện trước đây*). Trong thời đại chúng ta, giáo huấn đó đã được công bố trong các văn kiện quan trọng của Công Đồng Vatican II, cách riêng trong hiến chế *Ánh sáng muôn dân*, sắc lệnh *Đức ái hoàn hảo* và sắc lệnh *Truyền giáo*. Sau đó được triển khai trong tông huấn *Chứng tá Phúc Âm* của Đức Phaolô VI, trong các bài diễn văn của Đức Gioan Phaolô II, và trong các văn kiện của Bộ các tu sĩ và tu hội đời, đặc biệt trong các văn kiện *Liên hệ hỗ tương, Tu sĩ và sự thăng tiến con người, Chiều kích chiêm niệm của đời tu*. Mới đây hơn, giáo lý phong phú của Hội Thánh đã được cô đọng lại và được diễn tả ở Bộ giáo luật đã tu chính.

Tất cả các văn kiện đó đều dựa trên kho tàng dồi dào do giáo huấn tiền Công Đồng để lại, và muốn cặn kẽ trình bày chính xác hơn về thần học đời tu vốn đã được phát huy cách hài hoà qua dòng thời gian.

**4**. (*Các yếu tố cốt yếu*). Đời sống tu trì là một thực tại vừa có tính cách lịch sử vừa có tính cách thần học. Hôm nay cũng như trong quá khứ, kinh nghiệm đã sống có tính cách biến thiên, và chính đó là điều quan trọng. Đồng thời, kinh nghiệm này là một chiều kích cần phải được xác minh bằng cách đối chiếu với nền tảng Tin Mừng, với giáo huấn của Hội Thánh và hiến pháp của hội dòng đã được phê chuẩn.

Hội Thánh coi một số yếu tố là thiết yếu đối với đời tu: tiếng Thiên Chúa gọi; sự thánh hiến qua việc công khai tuyên khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm; một hình thức đời sống cộng đoàn ổn định. Đối với các hội dòng chuyên lo việc tông đồ, còn thêm sự tham dự vào sứ vụ của Đức Kitô bằng hoạt động tông đồ có tính cách cộng đoàn, và trung thành với đặc sủng của dòng cũng như các truyền thống lành mạnh. Ngoài ra, những yếu tố sau đây cũng là cốt yếu: cầu nguyện cá nhân và cộng đoàn, khổ chế, chứng tá công khai; mối quan hệ đặc biệt với Hội Thánh; huấn luyện trường kỳ, và hình thức quản trị đòi hỏi một quyền bính dựa trên đức tin.

Những biến chuyển lịch sử và văn hoá đã đem lại sự thay đổi trong đời sống cụ thể, nhưng những hình thức và phương hướng của sự thay đổi này được định đoạt bởi những yếu tố cốt yếu, mà nếu không có những yếu tố đó, đời tu sẽ mất luôn cả chân tính.

Trong văn kiện này, dành cho các hội dòng chuyên lo việc tông đồ, Thánh bộ chỉ muốn làm sáng tỏ và tái khẳng định những yếu tố nền tảng ấy.

**Phần thứ nhất**

 **ĐỜI TU: MỘT HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT
ĐỂ TẬN HIẾN CHO THIÊN CHÚA**

**5**. (*Sự tận hiến: một mối liên hệ đặc biệt với Thiên Chúa*). Sự tận hiến là nền tảng của đời tu. Khi nhấn mạnh tới điều này, Hội Thánh đề cao sáng kiến của Thiên Chúa và sự thay đổi trong mối quan hệ với Thiên Chúa do đời tu đem lại.

Sự thánh hiến là một tác động của Thiên Chúa. Thiên Chúa kêu gọi một người, đặt riêng người ấy ra để người ấy được tận hiến cho Người một cách đặc biệt. Đồng thời Người cũng ban ơn đáp trả, thành thử sự tận hiến diễn tả, về phía con người, sự đáp trả bằng một sự phó thác toàn thân sâu xa và tự nguyện.

Mối liên hệ mới nảy sinh từ đó là một ân huệ thuần tuý. Đó là một sự giao ước của tình yêu và lòng trung tín, trong hiệp thông và sứ vụ, để làm vinh danh Thiên Chúa, đem lại niềm vui cho người được thánh hiến, và ơn cứu độ cho thế giới.

**6**. (*Đức Giêsu, khuôn mẫu Tận Hiến. Sự tận hiến của bí tích thánh tẩy*). Chính Đức Giê-su là Đấng mà Chúa Cha đã thánh hiến và sai đi một cách tuyệt hảo (x. Ga 10,36). Người thâu tóm nơi mình tất cả những việc thánh hiến mà luật cũ đã tiên báo trong sự thánh hiến của Người, và trong Người, từ nay Dân mới của Thiên Chúa được thánh hiến, được kết hợp với Người cách mầu nhiệm.

Nhờ phép Thánh Tẩy, Người thông ban sự sống của Người cho mỗi Kitô hữu. Tất cả mọi người được thánh hoá trong Chúa Con. Tất cả mọi người được mời gọi nên thánh. Tất cả được sai đi để tham gia vào sứ mạng của Đức Kitô. Tất cả đều lãnh nhận khả năng lớn lên trong tình yêu và phục vụ Chúa. Ơn thánh tẩy là ơn thánh hiến căn bản của các Kitô hữu và là cội nguồn mọi ơn thánh hiến khác.

**7**. (*Ơn thánh hiến đặc biệt qua việc đi theo Đức Kitô*). Đức Giê-su đã sống sự thánh hiến của Người đúng như là Con Thiên Chúa: Người lệ thuộc vào Chúa Cha, yêu mến Chúa Cha trên hết mọi sự và hoàn toàn phó thác theo ý Chúa Cha. Tất cả mọi Kitô hữu đều tham dự vào những yếu tố của đời sống làm con cái đó.

Tuy nhiên, để cho tất cả mọi người được cứu độ, Thiên Chúa ban cho một số người ơn được theo Chúa Kitô sát hơn trong đức khó nghèo, khiết tịnh và tuân phục của Người, qua việc công khai tuyên khấn ba lời khuyên Phúc Âm, nhờ trung gian của Hội Thánh.

Noi gương Đức Kitô, việc tuyên khấn đó là dấu chỉ của một sự thánh hiến đặc biệt, *“*bắt nguồn từ sự thánh hiến trong phép Rửa tội, và diễn tả sự thánh hiến này một cách sung mãn” (DT 5). Kiểu nói *“*một cách sung mãn” nhắc nhớ việc Ngôi Lời bao trùm lên nhân tính mà Người đã đảm nhận, và người ta được mời gọi đáp trả như Đức Giêsu xưa: một sự hiến mình cho Thiên Chúa theo cách thức mà chỉ mình Người mới có thể giúp thực hiện, một sự hiến mình có giá trị như chứng tá sự thánh thiện và tuyệt đối của Thiên Chúa. Sự thánh hiến như vậy là ân huệ của Thiên Chúa: một ơn ban nhưng không.

**8**. (*Giáo Hội làm trung gian của việc tận hiến. Chiều kích Giáo Hội và cánh chung*). Khi sự tận hiến được khẳng định trong việc tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm, như là lời đáp trả dứt khoát cho Thiên Chúa, dưới hình thức một cam kết công khai trước mặt Hội Thánh, thì sự thánh hiến đó thuộc về đời sống và sự thánh thiện của Hội Thánh (x. GH 44). Chính Hội Thánh xác nhận ơn ban và làm trung gian cho sự tận hiến.

Những Kitô hữu được tận hiến sẽ nỗ lực sống ngay ở đời này những giá trị trong đời sống mai sau. Một đời sống như thế sẽ *“*bộc lộ một cách đầy đủ hơn cho tất cả mọi tín hữu thấy những thiện hảo trên trời mà họ đang chiếm hữu ở dưới thế này” (GH 44). Bằng cách đó, Kitô hữu sẽ *“*làm chứng, một cách tỏ tường và tuyệt diệu rằng thế giới không thể biến cải và không thể dâng lên cho Thiên Chúa được nếu không có tinh thần của các mối phúc” (GH 31).

**9**. (*Sự tận hiến trong các tu hội đời: sống âm thầm giữa đời*). Nhờ sự tận hiến trong việc tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm, người Kitô hữu có thể sống sự kết hiệp với Đức Kitô giữa lòng trần thế, đang khi làm việc tại trần thế, và diễn tả sự kết hiệp ấy bằng những phương tiện trần thế. Đó là ơn gọi đặc biệt của các tu hội đời mà Đức Piô XII đã định nghĩa là *“*những người tận hiến cho Thiên Chúa và cho tha nhân” (Primo feliciter V và II).

Tự nó, các lời khuyên Phúc Âm không nhất thiết tạo nên một sự xa cách với trần thế. Thực ra, quả là một ân huệ của Thiên Chúa khi mà nhờ việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm, sự thánh hiến có thể thực hiện dưới hình thức một cuộc sống ẩn dật như men trong bột. Các Kitô hữu được tận hiến như vậy sẽ thực hiện công trình cứu độ bằng cách thông đạt tình yêu của Đức Kitô qua sự hiện diện của họ giữa đời và bằng cách thánh hoá đời từ lòng đời.

Xét theo lối sống và hình thức hiện diện của họ thì bên ngoài họ không có gì khác biệt với các Kitô hữu khác. Họ làm chứng trong môi trường bình thường của họ. Hình thức làm chứng kín đáo là do tự bản chất ơn gọi *“*tu đời” của họ và là đặc trưng trong cách thức họ sống sự tận hiến của mình (x. DT 11).

**10**. (*Các tu sĩ sống đời tận hiến cách công khai, xa cách đời, và trong cộng đoàn*). Nhưng đó không phải là trường hợp của những người trở thành tu sĩ nhờ sự thánh hiến qua việc tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm. Tự bản chất, ơn gọi tu dòng bao hàm một chứng tá công khai về Đức Kitô và về Hội Thánh.

Sự tuyên khấn trong đời tu được thực hiện bằng các lời khấn mà Hội Thánh đã nhìn nhận là *“*công”. Hình thức bền vững của đời sống cộng đoàn trong một hội dòng được các vị có thẩm quyền trong Hội Thánh thiết lập theo giáo luật, biểu lộ cách hữu hình giao ước và sự hiệp thông mà đời tu diễn tả. Một sự cách ly nào đó với gia đình và đời sống nghề nghiệp, thực hiện lúc vào nhà tập, sẽ diễn tả cách hùng hồn tính cách tuyệt đối của Thiên Chúa.

Đồng thời sự cách biệt đó cũng đánh dấu sự khai sinh một lối liên lạc mới và sâu sắc hơn, trong Đức Kitô, với gia đình mà mình đã từ bỏ. Mối liên lạc đó trở thành vững chắc nhờ rũ bỏ những liên hệ khác, những nghề nghiệp, và những hình thức thanh thoát với các liên hệ chính đáng khác, nhằm biểu lộ tính cách tuyệt đối của Thiên Chúa một cách công khai trong suốt cuộc đời.

Một khía cạnh khác trong bản chất công khai nơi sự tận hiến tu dòng nằm trong sự kiện này là việc tông đồ của các tu sĩ, cách này hay cách khác, luôn luôn có tính cách cộng đoàn. Ngoài ra sự hiện diện của các tu sĩ có thể nhận thấy được qua hành động, y phục và nếp sống.

**11**. (*Tận hiến trong một hội dòng, với một đặc sủng*). Sự tận hiến tu trì được thực hiện trong một hội dòng nhất định, theo hiến pháp được quyền bính Hội Thánh chấp nhận và phê chuẩn. Điều này có nghĩa là sự tận hiến được thực hiện theo những quy định đặc biệt, những quy định này diễn tả và đào sâu chân tính riêng của hội dòng. Chân tính này bắt nguồn từ tác động của Chúa Thánh Thần, Đấng đã khơi dậy đặc sủng lập dòng và xác định một kiểu mẫu đặc biệt về linh đạo, đời sống, việc tông đồ và truyền thống (LH 11).

Nhìn vào con số các gia đình tu trì, người ta phải ngạc nhiên trước bao nhiêu là đặc sủng lập dòng khác nhau. Công Đồng đã nhấn mạnh tới sự cần thiết phải vun trồng những đặc sủng đó, như những ân huệ của Thiên Chúa (x. DT 2b).

Những đặc sủng này xác định bản chất, tinh thần, cứu cánh và đặc tính, là những yếu tố hợp thành di sản thiêng liêng của mỗi hội dòng, và làm căn bản cho ý nghĩa của chân tính, một yếu tố cốt thiết để bảo đảm sự trung tín của người tu sĩ (x. CT 51).

**12**. (*Tận hiến và sứ vụ*). Trong trường hợp các hội dòng chuyên lo hoạt động tông đồ, sự thánh hiến tu trì còn có một sắc thái nữa: sự tham gia đặc thù và cụ thể vào sứ vụ của Đức Ki-tô. Sắc lệnh *Đức ái hoàn hảo* nhắc lại rằng, chính bản chất của các hội dòng đó đòi có *“*hoạt động tông đồ và những công việc bác ái” (DT 8). Do chính việc tận hiến, các phần tử dâng mình cho Thiên Chúa và sẵn sàng để được sai đi.

Ơn gọi của họ bao hàm việc tích cực rao giảng Tin Mừng qua *“*những hoạt động bác ái mà Hội Thánh uỷ thác cho hội dòng và hội dòng phải thực hiện nhân danh Hội Thánh” (DT 8). Vì vậy, hoạt động tông đồ của các hội dòng này không đơn giản chỉ là nỗ lực của con người để làm việc thiện, nhưng *“*đích thực là hoạt động của Hội Thánh” (CT 60). Hoạt động đó bắt nguồn từ sự kết hợp với Đức Kitô, Đấng được Chúa Cha sai đi để hoàn tất *“*công việc” của Người.

Do đó, hoạt động ấy diễn tả sự thánh hiến bởi Thiên Chúa, Đấng sai người tu sĩ đi phục vụ Đức Kitô trong các chi thể của Người (LB 69), theo cách thức cụ thể tương ứng với đặc sủng sáng lập hội dòng (LH 15): *“*Toàn bộ đời sống tu trì của các tu sĩ phải thấm nhuần tinh thần tông đồ, và toàn bộ hoạt động tông đồ của họ phải được thúc đẩy bởi tinh thần tu trì” (PC 8).

**Phần thứ hai**

 **CÁC ĐẶC ĐIỂM**

**I. Tận hiến bằng những lời khấn công khai**

**13**. (*Lời khấn như lời đáp trả ân huệ của Thiên Chúa*). Đặc điểm của đời tu là tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm bằng những lời khấn được Hội Thánh nhìn nhận, mặc dầu việc tuyên giữ này không phải chỉ riêng cho đời sống tu trì mà thôi. Các lời khấn là lời đáp trả ân huệ Thiên Chúa ban, ân huệ này có trước, lời đáp trả này tới sau, và vì ân huệ phát xuất từ tình yêu nên không thể giải thích được. Đó là hành động đặc biệt mà chính Thiên Chúa thực hiện nơi kẻ Người đã chọn.

**14**. (*Ba lời khấn là ba khía cạnh của một cuộc dâng hiến toàn thân*). Như lời đáp trả ân huệ của Thiên Chúa, lời khấn là cách diễn tả theo ba khía cạnh cùng một tiếng *“*xin vâng” duy nhất, liên hệ với sự tận hiến toàn diện. Lời khấn là hành động nhờ đó người tu sĩ *“*dâng mình cho Thiên Chúa với một danh nghĩa mới mẻ và đặc biệt” (GH 44). Nhờ các lời khấn, người tu sĩ vui vẻ hiến dâng tất cả cuộc sống mình để phụng sự Thiên Chúa, biết rằng theo Chúa Kitô *“*là điều thiết yếu duy nhất, và chỉ tìm kiếm một mình Thiên Chúa trên hết mọi sự” (DT 5).

Có hai lý do đưa đến sự hiến dâng này: trước hết là lòng ao ước được giải thoát khỏi mọi trở ngại có thể làm cho người Kitô hữu xao lãng việc say mê yêu mến Thiên Chúa và phụng thờ Người cách trọn hảo (CT 7); sau là lòng ao ước được thánh hiến hoàn toàn hơn để phụng sự Người (GH 44). Các lời khấn biểu lộ *“*mối dây liên kết không thể cắt đứt được giữa Đức Kitô và Hội Thánh, Hiền Thê của Người. Sự thánh hiến của người tu sĩ sẽ càng thêm trọn hảo, nếu các mối dây ràng buộc này càng khăng khít và bền chặt” (GH 44).

**15**. (*Mỗi lời khấn nhấn mạnh một tương quan với Đức Ki-tô*). Mỗi lời khấn có một chiều kích riêng: đó là ba cách thức cam kết sống như Đức Kitô đã sống, trong các lãnh vực bao gồm toàn bộ cuộc sống: của cải, tình cảm, tự do.

Mỗi lời khấn nhấn mạnh tới một mối tương giao với Đức Giêsu, Đấng đã được thánh hiến và được sai đi, Đấng vốn giàu có, nhưng đã trở nên nghèo khó vì chúng ta, Đấng đã tự huỷ mình đi và không có cả nơi gối đầu. Người đã yêu thương với trọn tấm lòng, với một tình yêu phổ quát, và yêu thương cho tới cùng. Người đã đến để thực thi ý muốn của Chúa Cha, Đấng đã sai Người, và Người đã kiên trì hoàn tất ý Cha, *“*học vâng phục qua đau khổ” và trở nên nguyên nhân cứu độ cho tất cả những ai vâng phục Người.

**16**. (*Cần xác định rõ rệt nội dung của mỗi lời khấn*). Điểm phân biệt một hội dòng là ở cách thức hội dòng đó diễn tả trong cụ thể những giá trị mà Đức Kitô đã sống. Vì vậy, nội dung các lời khấn như được trình bày trong hiến pháp của mỗi hội dòng phải rõ ràng, không được hàm hồ.

Người tu sĩ từ bỏ quyền sử dụng cũng như quyền tự do định đoạt tài sản của mình, tuỳ thuộc vào bề trên chính thức trong dòng để có những của cải vật chất mình cần, để các tặng vật và thu nhập làm tài sản chung của cả cộng đoàn, chấp nhận một nếp sống giản dị và tham dự vào nếp sống đó.

Người tu sĩ cam kết sống khiết tịnh vì một danh nghĩa mới, tức là do lời khấn, và sống độc thân tận hiến vì Nước Trời. Đức khiết tịnh này cần được sống thế nào để trở nên một chứng tá có sức thuyết phục và đáng tin cậy về một sự hiến dâng trọn vẹn, đồng thời cũng bao hàm sự từ bỏ mọi cách ứng xử, mọi liên hệ cá nhân, và mọi hình thức giải trí không thích hợp với lời khấn.

Người tu sĩ cam kết vâng phục chỉ thị của các bề trên hợp pháp, theo hiến pháp dòng, ngoài ra, còn tuyên khấn đặc biệt tuân phục Đức thánh cha, vì hiệu lực của lời khấn tuân phục.

Sự cam kết bằng các lời khấn trong một hội dòng mặc nhiên bao hàm việc chung sống với các phần tử trong cộng đoàn. Người tu sĩ cũng phải sống trung thành với bản chất, mục đích, tinh thần và đặc tính của hội dòng như đã được diễn tả trong hiến pháp, luật riêng và các truyền thống lành mạnh của hội dòng. Người tu sĩ tự nguyện chấp nhận một cuộc hoán cải triệt để và liên tục như Tin Mừng đòi hỏi, và như nội dung mỗi lời khấn xác định.

**17**. (*Ảnh hưởng của lời khấn đối với xã hội*). Sự tận hiến bằng cách tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm tất yếu đưa tới một hình thức sống có tác động đến xã hội. Chắc chắn, các lời khấn không có mục đích phản kháng xã hội, nhưng không ai chối cãi được rằng, một đời sống theo các lời khấn luôn luôn là một chứng tá về một vài giá trị đang thách đố xã hội và thách đố luôn cả các tu sĩ.

Đức khó nghèo, khiết tịnh và tuân phục của người tu sĩ có thể là tiếng nói mạnh dạn và rõ ràng với thế giới ngày hôm nay, một thế giới đang khốn khổ vì tiêu thụ thái quá, vì kỳ thị, lạc thú, hận thù, bạo lực và áp bức (x. TT 15).

**II. Hiệp thông trong cộng đoàn**

**18**. (*Hiệp thông giữa các phần tử: dựa trên Đức Kitô*). Thiết lập một sự hiệp thông đặc biệt giữa các tu sĩ với Thiên Chúa và, trong Thiên Chúa, giữa các phần tử trong cùng một hội dòng là yếu tố căn bản của sự hiệp nhất trong một hội dòng. Một truyền thống được chia sẻ, những hoạt động chung, những cơ cấu được thực hiện tốt đẹp, những tài sản chung, hiến pháp chung, và một tinh thần chung, đó là những yếu tố có thể giúp xây dựng và củng cố sự hiệp nhất.

Tuy nhiên, nền tảng thực sự của sự hiệp nhất hệ tại mối hiệp thông với Đức Kitô, mối hiệp thông được thiết lập do đặc sủng lập dòng, bám rễ trong chính sự tận hiến tu trì, được tinh thần Phúc Âm thúc đẩy, được nuôi dưỡng trong cầu nguyện và mang dấu ấn của một sự khổ chế quảng đại, cũng như niềm vui và hy vọng nảy sinh từ thập giá (CT 41).

**19**. (*Đời sống cộng đoàn*). Đối với các tu sĩ, sự hiệp thông với Đức Ki-tô được diễn tả cách bền vững và hữu hình qua đời sống cộng đoàn. Sống cộng đoàn là điều rất quan trọng đối với đời sống tận hiến tu trì, đến nỗi tất cả các tu sĩ, bất luận làm công tác tông đồ nào, do bị ràng buộc bởi chính sự tuyên khấn, bình thường phải sống trong một cộng đoàn địa phương dưới quyền một vị bề trên. Thông thường, đời sống chung còn bao gồm việc chia sẻ đời sống theo những cơ cấu đặc thù và những quy định của hiến pháp.

Chia sẻ kinh nguyện, lao động, ăn uống, giải trí, tinh thần cộng đoàn, *“*những tương quan bạn hữu, và tương trợ huynh đệ trong cùng một sứ vụ tông đồ, cũng như giúp đỡ lẫn nhau trong một cuộc sống đã được chọn để phục vụ Đức Kitô tốt đẹp hơn, đó là những trợ lực quý giá trong hành trình mỗi ngày” (CT 39). Khi một cộng đoàn tụ họp như một gia đình đích thực, nhân danh Chúa, sẽ được diễm phúc có Người hiện diện (x. Mt 18,20) qua tình yêu Thiên Chúa đã được Thánh Thần đổ tràn đầy tâm hồn (x. Rm 5,5). Sự hiệp nhất của cộng đoàn là biểu tượng của việc Đức Kitô đến, và là nguồn năng lực tông đồ mạnh mẽ (DT 15).

Trong một cộng đoàn như thế, đời sống tận hiến có thể phát triển trong những điều kiện thuận lợi (CT 38), và công việc thường huấn của các thành viên được bảo đảm. Khả năng sống đời sống cộng đoàn, với những niềm vui và những giới hạn của nó, là dấu chỉ để nhận ra ơn gọi tu trì trong một hội dòng, và là tiêu chuẩn quan trọng để xét đoán ơn gọi của ứng sinh.

**20**. (*Đời sống phụng vụ và bí tích ở cộng đoàn địa phương*). Cộng đoàn địa phương, nơi đời tu trước tiên thể hiện, phải được tổ chức sao cho các giá trị tu trì được nổi bật.

Trung tâm cộng đoàn là Thánh Thể, các phần tử trong cộng đoàn phải cố gắng tham dự thánh lễ hằng ngày khi có thể. Thánh Thể được tôn kính trong phòng nguyện, nơi đó có thể dâng lễ và lưu giữ Mình Thánh (x. CT 48). Đời sống cộng đoàn được nâng đỡ nhờ những giờ cầu nguyện chung hàng ngày dựa trên Lời Thiên Chúa, và hợp nhất với lời cầu nguyện của Hội Thánh, đặc biệt trong Các giờ kinh phụng vụ, đây là những thời gian cao điểm của một ngày. Cũng cần có những thời gian cầu nguyện sốt sắng hơn, hằng tuần hoặc hằng tháng, hay tĩnh tâm hằng năm.

Việc năng lãnh nhận bí tích hoà giải cũng là thành phần của đời sống tu trì. Ngoài khía cạnh cá nhân được Thiên Chúa ban ơn tha thứ và ban tình yêu giúp canh tân bản thân, bí tích này còn xây dựng cộng đoàn nhờ khả năng hoà giải, đồng thời còn diễn tả một mối liên hệ đặc biệt với Hội Thánh.

Tuỳ theo luật riêng của hội dòng, hằng ngày cần phải có giờ dành cho việc cầu nguyện và đọc sách thiêng liêng riêng. Mỗi hội dòng sẽ tìm ra những hình thức thích hợp để đào sâu những việc sùng kính riêng, đặc biệt là lòng sùng kính Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa. Cộng đoàn cũng phải cầu nguyện cho các nhu cầu cần thiết của tập thể hội dòng, và cầu nguyện cho những anh chị em đã được gọi về nhà Cha.

Tất cả các phần tử của cộng đoàn, và cách riêng các bề trên địa phương, có trách nhiệm làm triển nở các giá trị tu trì trên đây, liên quan tới đời sống cộng đoàn, và phải bảo đảm những điều kiện cần thiết để có thể phát huy các giá trị đó (CT 20).

**21**. (*Lối sống phù hợp với hình thức tông đồ và hoàn cảnh xã hội*). Chính lối sống cộng đoàn cũng phải tương hợp với hình thức tông đồ mà các phần tử đã đảm nhận, cũng như với nền văn hoá và xã hội trong đó người tu sĩ nhận lãnh trách nhiệm. Số lượng các phần tử trong một cộng đoàn, nơi ở, các nhu cầu riêng, mức sống, tất cả có thể tuỳ thuộc vào hình thức tông đồ của cộng đoàn. Nhưng dù làm tông đồ cách nào đi nữa, cộng đoàn cũng phải cố gắng sống đơn sơ, theo những quy tắc được ấn định ở cấp toàn dòng và cấp tỉnh dòng, áp dụng vào hoàn cảnh riêng của mình.

Trong cách sống, cộng đoàn phải quan tâm đến khổ chế, vì việc này gắn liền với sự tận hiến tu trì. Cộng đoàn phải cung cấp cho các phần tử những nhu cầu cần thiết tuỳ theo khả năng của cộng đoàn, luôn luôn nhớ mình có trách nhiệm đối với toàn thể hội dòng và đối với người nghèo.

**22**. (*Sự khác biệt của các phần tử và công tác*). Vì tầm quan trọng của đời sống cộng đoàn, cần lưu ý rằng chất lượng của cộng đoàn chịu ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực bởi hai yếu tố: sự khác biệt nơi các phần tử và sự khác biệt trong công việc. Đó là những khác biệt được thánh Phaolô diễn tả bằng hình ảnh Thân Thể của Đức Kitô, hoặc được Công Đồng diễn tả với hình ảnh Dân Thiên Chúa đang lữ hành. Trong cả hai trường hợp, sự khác biệt được hiểu như các ân huệ khác nhau cùng làm cho một thực tại duy nhất được thêm phong phú. Do đó tiêu chuẩn để hội dòng nhận thêm các phần tử hay những hoạt động mới, là xét xem những người mới hay những công việc mới đó có xây dựng sự hiệp nhất hay không (LH 12).

Trong thực tế, câu hỏi được đặt ra như sau : các ân huệ Thiên Chúa ban cho người này, cho dự phóng này hay nhóm này, có góp phần xây dựng sự hiệp nhất và củng cố thêm sự hiệp thông trong hội dòng hay không? Nếu có, thì cộng đoàn có thể đón nhận. Nếu không, thì dù các ân huệ đó tự chúng có vẻ tốt hay xem ra đáng mong ước, cũng không thích hợp với hội dòng.

Thật là một sai lầm, nếu nghĩ rằng có thể gom hết mọi sự vào đặc sủng của một hội dòng. Nếu một ân điển làm cho một phần tử thực sự xa rời mối hiệp thông cộng đoàn, thì ân điển đó không đáng được khuyến khích. Cũng thế, làm ngơ trước những sáng kiến rõ ràng đi lệch hướng, không giúp gì cho sự hiệp nhất của hội dòng, là thiếu khôn ngoan.

Khác biệt mà không gây chia rẽ, hiệp nhất mà không đồng nhất, đó là sự phong phú và thi đua, làm tăng triển cộng đoàn và việc cầu nguyện, niềm an vui và phục vụ, trở thành chứng tá về thực tại của Đức Kitô. Các bề trên và các tu sĩ phụ trách đào tạo có bổn phận phải cảnh giác, để đừng lẫn lộn giữa những khác biệt có thể gây đổ vỡ với những giá trị đích thực của tính đa dạng.

**III. Sứ vụ loan báo Tin Mừng**

**23**. (*Sứ vụ được bao gồm trong sự tận hiến*). Khi Thiên Chúa thánh hiến một người nào, thì Người ban cho họ một ân huệ đặc biệt để thực hiện ý định hoà giải của Người nhằm cứu độ thế giới. Thiên Chúa không những chọn một người, tách riêng và thánh hiến người đó cho Người, mà còn đưa họ vào dự phóng của Người. Sự thánh hiến luôn luôn đi kèm theo một sứ mạng. Đó là hai mặt của cùng một thực tại.

Khi Thiên Chúa chọn ai, đó là vì ơn cứu độ của kẻ khác: người được thánh hiến là người được sai đi, để phục vụ công trình của Thiên Chúa trong quyền năng của Người. Chính Đức Giêsu cũng ý thức trọn vẹn điều đó. Được thánh hiến và được sai đi thực hiện ơn cứu độ của Thiên Chúa, Người hoàn toàn phụng sự Chúa Cha trong tôn thờ, yêu mến và phó thác, đồng thời hoàn toàn xả thân lo công việc của Chúa Cha, tức là cứu độ thế giới.

**24**. (*Tất cả các tu sĩ đều được sai đi vì một sứ vụ*). Do hình thức thánh hiến đặc biệt của mình, các tu sĩ đương nhiên gắn liền với sứ vụ của Đức Kitô một cách sâu xa. Cũng như Người, họ được kêu gọi vì người khác: hoàn toàn được dành cho công cuộc cứu độ của anh chị em mình. Điều đó đúng cho tất cả mọi hình thức tu dòng.

Các dòng tu chiêm niệm có một sứ vụ tông đồ âm thầm và hiệu quả (x. DT 7); họ công bố cho thế giới biết rằng Thiên Chúa hiện hữu, và Thiên Chúa là tình yêu.

Các dòng lo việc tông đồ nối tiếp sự hiện diện của Đức Kitô trong thời nay, Đức Kitô *“*loan báo Nước Thiên Chúa cho dân chúng, chữa kẻ đau ốm tật nguyền, hoán cải tội nhân, chúc lành cho trẻ nhỏ, giúp đỡ mọi người, và luôn luôn vâng ý Chúa Cha là Đấng đã sai Người” (GH 46). Các tu sĩ tham gia vào công trình cứu độ của Đức Kitô bằng các công việc phục vụ cụ thể do Hội Thánh uỷ thác khi phê chuẩn hiến pháp của hội dòng. Sự phê chuẩn này xác nhận bản chất việc phục vụ, việc phục vụ này phải trung thành với Tin Mừng, với Hội Thánh và với hội dòng.

Sự phê chuẩn này cũng đặt ra một số giới hạn, vì sứ vụ của các tu sĩ vừa được tăng cường vừa bị giới hạn bởi những hệ quả do sự tận hiến trong một hội dòng. Hơn nữa, bản chất việc phục vụ của đời sống tu trì xác định cách thức thi hành sứ vụ, đó là phải kết hợp mật thiết với Chúa và thật bén nhạy với những dấu chỉ thời đại, nhờ đó các tu sĩ có thể *“*truyền đạt sứ điệp Ngôi Lời nhập thể bằng một ngôn ngữ mà thế giới có thể hiểu được” (CT 9).

**25**. (*Sứ vụ là trách nhiệm của cộng đoàn*). Cho dù Lời Thiên Chúa được thông truyền bằng những công việc phục vụ nào đi nữa, thì sứ vụ vẫn luôn luôn được coi là trách nhiệm của cộng đoàn. Chính toàn thể hội dòng đã được Hội Thánh uỷ thác tham dự vào sứ vụ của Đức Kitô, sứ vụ làm cho hội dòng có bộ mặt riêng và được diễn tả qua những công việc được đặc sủng lập dòng trực tiếp gợi hứng.

Sứ vụ này của cộng đoàn làm nên chân tính của hội dòng; nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả các phần tử của hội dòng đều làm một việc như nhau, cũng không phải là không tôn trọng các ân điển cũng như khả năng của mỗi người. Sứ vụ cộng đoàn có nghĩa là tất cả những công tác mà mỗi thành viên làm đều có liên quan trực tiếp đến công việc tông đồ chung đã được Hội Thánh nhìn nhận như biểu lộ cụ thể mục tiêu của hội dòng. Công việc tông đồ này được thực hiện chung và vẫn thuộc truyền thống lành mạnh của hội dòng, liên kết mật thiết với chân tính của hội dòng đến mức không thể thay đổi mà không phương hại đến đặc tính của chính hội dòng. Đó là tiêu chuẩn để đánh giá những công việc mới cần thực hiện, dù do một nhóm tu sĩ hay chỉ do một vài cá nhân riêng lẻ.

Một trong những trách nhiệm lớn của các bề trên thượng cấp là phải duy trì sự toàn vẹn của việc tông đồ chung. Các bề trên phải làm sao cho hội dòng của mình vừa trung tín với sứ mạng truyền thống của hội dòng trong Hội Thánh, vừa cởi mở với những khả năng hoạt động mới. Các công việc cần được đổi mới, và tìm lại sinh khí mới, nhưng phải làm thế nào để vẫn trung tín với việc tông đồ đã được chính thức chuẩn nhận, và trong tinh thần cộng tác với những vị có thẩm quyền liên hệ trong Hội Thánh.

Sự đổi mới đó phải được đánh dấu bằng bốn thái độ trung thành quan trọng đã được văn kiện *Tu sĩ và việc thăng tiến con người* nhấn mạnh, đó là:

– Trung thành với con người và với thời đại;

– Trung thành với Đức Kitô và với Tin Mừng;

– Trung thành với Giáo Hội và với sứ mạng của Giáo Hội trong thế giới;

– Trung thành với đời tu và với đoàn sủng riêng của dòng (TT 13).

**26**. (*Mỗi tu sĩ phải làm việc tông đồ như thế nào*). Việc tông đồ của mỗi tu sĩ phải được đặt trong khuôn khổ sứ mạng dòng đã lãnh nhận từ nơi Hội Thánh. Chủ yếu, đó là sứ mạng loan báo Tin Mừng, nhằm đem Tin Mừng *“*đến cho mọi tầng lớp con người và, nhờ đó, biến cải nhân loại từ bên trong” (LB 18; TT. Dẫn nhập). Người tu sĩ làm việc trong Hội Thánh và theo sứ mạng của hội dòng mình. Trong thực tế, sứ vụ tông đồ này gồm những hình thức phục vụ phù hợp với mục đích của hội dòng và cách chung, được các anh chị em cùng một dòng chấp nhận. Trong trường hợp của một vài hội dòng giáo sĩ hay thừa sai, việc tông đồ đó đôi khi đòi hỏi chỉ có một cá nhân thực hiện.

Trong trường hợp các hội dòng khác, chỉ có thể làm việc tông đồ cá nhân khi đã có phép của bề trên, để đáp ứng một nhu cầu ngoại lệ và trong một thời gian hạn định.

Đối với nhiều tu sĩ, việc tông đồ vào lúc cuối đời là sứ mạng cầu nguyện và chịu đau khổ. Nhưng ở mọi giai đoạn của cuộc sống, việc tông đồ của cá nhân vẫn luôn luôn là việc tông đồ của một tu sĩ được hội dòng sai đi, trong sự hiệp thông với Hội Thánh đã trao sứ mạng đó cho hội dòng. Việc tông đồ này bắt nguồn từ sự tuân phục trong đời tu (DT 8,1), do đó, có tính chất khác biệt với các việc tông đồ của giáo dân (TT 22; TĐ 2.7.13.25). Theo cách đó, dù làm việc cá nhân hay cộng đoàn, các tu sĩ luôn chứng tỏ rằng đời sống của họ thực sự có tính cách tông đồ, không phải vì họ làm *“*việc tông đồ”, nhưng vì họ sống theo lối sống của các tông đồ: theo Đức Kitô trong phục vụ và trong cộng đoàn, theo giáo huấn của Tin Mừng trong Giáo Hội do Đức Kitô thiết lập.

**27**. (*Ba cám dỗ của việc tông đồ hiện nay*). Hiển nhiên, tại nhiều vùng trên thế giới hiện nay, các tu sĩ dấn thân làm việc tông đồ đang phải đương đầu với nhiều vấn đề khó khăn và tế nhị, liên quan tới việc tông đồ của họ. Sự giảm bớt số lượng các tu sĩ, giảm sút số ơn gọi, tuổi trung bình gia tăng, những áp lực xã hội do các trào lưu hiện đại, tất cả những cái đó xảy ra cùng lúc với sự ý thức ngày càng cao về các nhu cầu, với mối quan tâm lo lắng cho việc thăng tiến con người và với một sự nhạy bén hơn đối với các vấn đề công lý, hoà bình và thăng tiến con người. Đó là cám dỗ muốn làm tất cả.

Một cám dỗ khác là bỏ các công việc được xem như bền vững và biểu lộ trung thực đặc sủng của hội dòng, để làm những việc khác mà ta cho là đáp ứng các nhu cầu xã hội một cách tức thời hơn, nhưng lại không biểu lộ rõ rệt chân tính của hội dòng.

Còn một cám dỗ thứ ba nữa là phân tán các năng lực của hội dòng vào nhiều hoạt động ngắn hạn, chỉ liên hệ với đặc sủng nguyên thuỷ một cách mơ hồ. Trong các trường hợp trên, hậu quả không thấy ngay tức khắc, nhưng với thời gian, sự thống nhất và chân tính của hội dòng sẽ bị tổn thương, và đó sẽ là một mất mát đối với sứ mạng của Hội Thánh.

**IV. Cầu nguyện**

**28**. (*Cầu nguyện là gặp gỡ Thiên Chúa trong tin yêu*). Đời tu không thể đứng vững mà không có một đời sống cầu nguyện sâu xa, có tính cách cá nhân, cộng đoàn và phụng vụ. Người tu sĩ đã chọn một đời sống tận hiến trọn vẹn, được mời gọi nhận biết Chúa phục sinh một cách nồng nàn và riêng tư, và nhận biết Người là Đấng mà mình hiệp thông trong mối tương quan cá vị: *“*Sự sống đời đời là họ nhận biết Cha là Thiên Chúa đích thực duy nhất và Đấng Cha đã sai là Đức Giêsu Kitô” (Ga 17,3).

Nhận biết Chúa bằng đức tin đưa tới tình yêu. *“*Đấng anh em không thấy mà yêu và hiện không giáp mặt mà tin, anh em hớn hở vui mừng một niềm vui khôn tả và rạng rỡ vinh quang” (1Pr 1,18). Niềm vui do tình yêu và sự hiểu biết có thể được đào sâu bằng nhiều cách, nhưng phương thế cơ bản và thiết yếu, đó là sự gặp gỡ cá nhân và cộng đoàn với Thiên Chúa trong cầu nguyện. Chính nhờ cầu nguyện, người tu sĩ biết *“*tập trung chú ý vào Thiên Chúa”, Đấng thống nhất toàn bộ đời sống và sứ vụ của người tu sĩ (x. CN 1).

**29**. (*Cầu nguyện liên tục và những lúc dành cho việc cầu nguyện*). Chúa Giêsu coi cầu nguyện như một việc riêng biệt, có vị trí trọng yếu trong đời sống của Người. Cũng vậy, người tu sĩ cần cầu nguyện để sự kết hợp với Thiên Chúa trở nên thâm sâu hơn (Lc 5,16). Cầu nguyện cũng là một điều kiện cần thiết để công bố Tin Mừng (Mc 1,35-38). Những quyết định quan trọng và những biến cố lớn đã xảy ra trong bối cảnh cầu nguyện (Lc 12,13). Cũng như đối với Chúa Giê-su, thói quen cầu nguyện cần thiết để người tu sĩ có một cái nhìn chiêm ngưỡng, bằng đức tin, sự hiện diện của Thiên Chúa trong những biến cố thường nhật của cuộc sống (x. CN 1).

Đó là chiều kích chiêm niệm mà Giáo Hội và thế giới có quyền trông đợi nơi các tu sĩ, do sự thánh hiến của họ. Chiều kích đó phải được đào sâu bằng những khoảng thời gian kéo dài, hoàn toàn dành để tôn thờ, yêu mến và thinh lặng lắng nghe lời Chúa Cha. Vì lý do đó, Đức Phaolô VI nhấn mạnh rằng *“*sự trung thành với cầu nguyện mỗi ngày vẫn còn là một nhu cầu thiết yếu đối với mỗi tu sĩ, và phải chiếm vị trí ưu tiên trong hiến pháp và trong đời sống của anh chị em” (CT 45).

**30**. (*Khi cầu nguyện*). Khi nói *“*trong hiến pháp của anh chị em”, Đức Phaolô VI nhắc lại rằng đối với các tu sĩ, cầu nguyện không chỉ là một việc cá nhân quy hướng tình yêu của mình về Thiên Chúa, mà còn là một sự đáp trả cộng đoàn bằng cách tôn thờ, chuyển cầu, ca ngợi và cảm tạ. Cần phải bảo đảm cho sự đáp trả này được bền vững lâu dài (CT 43), không thể phó mặc cho may rủi. Muốn cho việc cầu nguyện được triển nở trong đời tu cá nhân cũng như cộng đoàn, cần phải có những quy định cụ thể ở cấp hội dòng, tỉnh dòng và cộng đoàn.

Cuối cùng, chỉ có nhờ cầu nguyện, người tu sĩ mới đáp trả được ơn thánh hiến của họ. Việc cầu nguyện cộng đoàn đóng một vai trò quan trọng để nâng đỡ đời sống thiêng liêng cần thiết. Mỗi tu sĩ có quyền đòi được giúp đỡ để cầu nguyện qua sự hiện diện và gương sáng của các thành phần khác trong cộng đoàn cầu nguyện. Mỗi người có đặc ân và có bổn phận cầu nguyện với những người khác và, cùng với họ, thông dự vào phụng vụ là trung tâm giúp cho đời sống của mình được thống nhất. Sự tương trợ này nâng đỡ cố gắng để sống kết hợp với Chúa như mình đã được mời gọi. *“*Dân Thiên Chúa cần cảm thấy rằng qua chúng con, có một Đấng khác đang hoạt động. Tùy mức độ chúng con sống ơn tận hiến triệt để cho Chúa, chúng con sẽ truyền đạt một cái gì của Người và cuối cùng chúng con truyền đạt chính Người là Đấng mà lòng con người hằng khao khát” (Gioan Phaolô II, tại Altotting).

**V. Khổ chế**

**31**. (*Chấp nhận sự từ bỏ kèm theo các lời khấn, và thập giá*). Kỷ luật và thinh lặng cần cho việc cầu nguyện, hai điều đó nhắc chúng ta nhớ rằng sự thánh hiến qua các lời khấn dòng đòi có một sự khổ chế nào đó, *“*bao trùm toàn thể con người” (CT 46). Lời đáp trả của Đức Kitô trong đức thanh bần, khiết tịnh, và tuân phục đã dẫn Người vào sa mạc cô liêu, tới đau khổ vì bị chống đối và bị bỏ mặc trên thập giá.

Sự tận hiến dẫn đưa người tu sĩ vào con đường của Đức Kitô, sẽ không thể phản ánh sự tận hiến của Đức Kitô, nếu lối sống của người tu sĩ không có yếu tố từ bỏ mình. Đời tu là một sự biểu lộ liên tục, công khai và hữu hình sự hoán cải của Kitô giáo, đòi phải từ bỏ mọi sự và vác thập giá theo Đức Kitô suốt đời. Đời tu đòi phải khổ chế để có thể sống thanh bần trong tinh thần và trong thực tế; để yêu mến như Đức Kitô yêu mến, để từ bỏ ý riêng và vâng phục ý một người khác vì lòng yêu mến Thiên Chúa, khi người đó là đại diện của Thiên Chúa, cho dù không hoàn hảo. Đời tu còn đòi từ bỏ chính bản thân, nếu không, sẽ không thể có một đời sống cộng đoàn có giá trị, và cũng không thể hoàn thành sứ vụ cho có kết quả được.

Lời Đức Giêsu nói về hạt lúa gieo vào lòng đất phải chết đi để đâm bông kết trái có tầm mức quan trọng đặc biệt đối với người tu sĩ, vì bản chất công khai của việc tuyên khấn. Quả thực, ngày nay, hoàn cảnh sống có nhiều khó khăn, và phải đón nhận những khó khăn ấy như những khổ chế. Tuy nhiên, nếu các tu sĩ không dành một chỗ trong đời sống của mình cho *“*một sự khắc khổ vui tươi và quân bình” (CT 30), và tự nguyện chấp nhận một số giới hạn nào đó, họ có nguy cơ để mất sự tự do thiêng liêng cần thiết để sống các lời khuyên Phúc Âm.

Thực vậy, không có sự khắc khổ và từ bỏ, chính sự tận hiến có thể bị phương hại, bởi vì chúng ta không thể làm chứng công khai cho Đức Kitô thanh bần, khiết tịnh, và tuân phục mà không có khổ chế. Hơn nữa, khi tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm, các tu sĩ tự dấn thân làm tất cả những gì cần thiết để có thể đào sâu và làm tăng triển những gì họ đã cam kết, và như vậy, họ đã tự nguyện chọn con đường thập giá để chứng tỏ tình yêu lớn lao nhất như Đức Kitô đã làm (CT 29).

**VI. Chứng tá công khai**

**32**. (*Đức Kitô làm chứng cho Chúa Cha. Các Tông Đồ làm chứng cho Đức Giêsu*). Tự bản chất, đời tu là một chứng tá biểu lộ rõ ràng sự trổi vượt của tình yêu Thiên Chúa, và chứng tá đó do sức mạnh của Chúa Thánh Thần mà có (x. CT 1). Đó là điều mà chính Đức Giêsu đã thể hiện ở mức độ cao nhất, qua việc làm chứng cho Cha *“*với quyền năng của Thánh Thần” (Lc 4,14) trong cuộc sống, trong cái chết, trong sự phục sinh của Người, và Người vẫn mãi mãi là nhân chứng trung thành.

Đến lượt Người, Người sai các Tông Đồ ra đi trong quyền năng của cùng một Thánh Thần để họ nên nhân chứng của Người ở Giêrusalem, trong toàn xứ Giuđê và Samari và cho tới tận cùng trái đất (Cv 1,8). Các ông làm chứng về cùng một đề tài: *“*Điều đã có từ ban đầu, điều mà chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã trông thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngắm và tay chúng tôi đã sờ được: đó là Ngôi Lời ban sự sống” (1Ga 1,1): Đức Giêsu Kitô, *“*Con Thiên Chúa, được thiết lập trong quyền năng bởi đã phục sinh từ trong cõi chết” (Rm 1,4).

**33**. (*Các tu sĩ làm chứng cho Đức Giê-su*). Đến lượt mình, các tu sĩ cũng được mời gọi làm chứng về Đức Kitô bằng một kinh nghiệm thâm sâu của chính mình, và được mời gọi chia sẻ lòng tin, cậy, mến và niềm vui mà kinh nghiệm đó không ngừng khơi dậy nơi họ.

Việc canh tân liên tục đời sống mỗi người phải là nguồn mạch tăng trưởng cho các hội dòng mà họ là thành viên, như Đức Gioan Phaolô II đã nói: *“*Điều quan trọng hơn cả, không phải là những gì các tu sĩ *làm*, mà *là*chính con người tận hiến cho Thiên Chúa nơi họ” (sứ điệp gửi khoá họp của Bộ các tu sĩ và tu hội đời, tháng 3 năm 1980). Không phải chỉ bằng rao giảng Tin Mừng trực tiếp trong việc tông đồ, mà hơn thế nữa, bằng chính cuộc sống của họ, người tu sĩ phải là tiếng nói quả quyết một cách đầy tin tưởng và xác tín: *“*Chúng tôi đã thấy Chúa, Người đã phục sinh, chúng tôi đã nghe lời của Người”.

**34**. (*Chứng tá công khai qua lối sống*). Tính cách triệt để của sự tận hiến tu trì đòi hỏi rằng chứng tá Tin Mừng phải mang tính cách công khai, bao trùm toàn thể đời sống. Những giá trị, những thái độ và lối sống là chứng tá hùng hồn cho thấy vị trí của Đức Kitô trong cuộc đời mỗi tu sĩ. Khía cạnh hữu hình của chứng tá này gồm có sự từ bỏ những tiện nghi thoải mái một mức độ nào đó, dù đó là điều hợp pháp đối với những người khác. Chứng tá đó đòi phải giới hạn phần nào các hình thức vui chơi, giải trí (x. ES I, 25, 42 ; GM 33-35).

Để bảo đảm điều đó, các tu sĩ phải chấp nhận một lối sống không phải là phóng khoáng, nhưng là lối sống được luật lệ quy định. Họ mang tu phục như dấu chỉ mình là người đã tận hiến. Họ cư ngụ ở các nhà đã được hội dòng thiết lập một cách hợp pháp theo giáo luật và hiến pháp riêng. Họ đi lại, tiếp xúc với xã hội bên ngoài theo tinh thần và đặc tính của hội dòng và với tinh thần vâng phục của người tu sĩ.

Những quy định đó tự nó không đủ để có được một chứng tá công khai về niềm vui, niềm hy vọng và yêu mến của Đức Giêsu Kitô; nhưng đó là những phương tiện cần thiết để có một chứng tá như vậy, và điều chắc chắn là nếu không có những quy định ấy, chắc chắn không thể có chứng tá đời tu được.

**35**. (*Chứng tá trong cách làm việc*). Cách làm việc cũng là điều quan trọng để làm nên chứng tá công khai. Công việc ta làm và cách ta làm phải làm chứng về Đức Kitô qua đức thanh bần của một người không tìm lợi ích bản thân, cũng không nhằm thoả mãn chính mình. Ở thời đại chúng ta, không có quyền hành là một trong những sự nghèo khó lớn. Người tu sĩ chấp nhận chia sẻ sự nghèo khó ấy qua sự tuân phục của mình, và như vậy, người tu sĩ sẽ liên kết với người nghèo và kẻ yếu đuối, một cách đặc biệt như Đức Kitô trong cuộc thương khó của Người. Một người tu sĩ như thế sẽ biết rõ thế nào là một người nghèo trước mặt Thiên Chúa, thế nào là yêu mến như Đức Giêsu yêu mến, và thế nào là làm việc để thực hiện kế hoạch của Thiên Chúa, theo những điều kiện của Thiên Chúa. Hơn nữa, để trung tín với sự tận hiến, người tu sĩ còn tìm thấy trong hội dòng của mình những phương tiện cụ thể giúp mình có thái độ sống đó.

**36**. (*Chứng tá trong sự trung thành với việc tông đồ chuyên biệt của Dòng*). Sự trung thành với việc tông đồ được trao phó cho hội dòng của mình cũng là một yếu tố chính yếu để có một chứng tá đích thực. Tận tuỵ lo cho những nhu cầu của mình, trong khi lơ là với những công việc đã được Hội Thánh trao cho hội dòng thì chỉ có thể gây ra thiệt hại.

Tuy nhiên, cũng có những cách sống và làm việc làm chứng rất rõ rệt cho Đức Kitô trong hoàn cảnh hiện nay. Không ngừng xét lại cách sử dụng của cải và lối giao tế trong đời sống của mỗi tu sĩ là một trong những phương tiện hữu hiệu nhất để cổ võ công lý của Đức Kitô trong thế giới ngày nay (x. TT 4).

Một hình thức chứng tá khác của người tu sĩ là trở thành tiếng nói cho những người không thể lên tiếng, với điều kiện là việc đó phù hợp với các chỉ thị của hàng giáo phẩm địa phương và của hội dòng. Thảm trạng của những người tị nạn, của những người bị bách hại vì chính kiến hay tín ngưỡng (x. LB 39), của những kẻ bị tước mất quyền được sinh ra và được sống, những hạn chế quyền tự do của con người một cách bất công, sự thiếu trách nhiệm của xã hội gây ra đau khổ cho những người già nua, bệnh hoạn và những kẻ bị gạt ra ngoài lề xã hội : những đau khổ đó kéo dài cuộc thương khó của Đức Kitô trong ngày hôm nay, và kêu gọi các tu sĩ hiến thân làm việc tông đồ ra tay hành động (x. TT 4d).

**37**. (*Chứng tá với tính sáng tạo*). Lời đáp trả sẽ thay đổi khác nhau tuỳ theo sứ vụ truyền thống và chân tính của mỗi hội dòng. Có một số trường hợp cần phải xin sự phê chuẩn đối với những sứ vụ mới trong Hội Thánh. Trong một số trường hợp khác, sẽ có những hội dòng mới được nhìn nhận để đối phó với những nhu cầu đặc biệt. Trong phần lớn các trường hợp, sự vận dụng một cách sáng tạo những hoạt động đã có để đáp ứng những nhu cầu mới sẽ là một chứng tá hùng hồn về Đức Kitô hôm qua, hôm nay và cho đến muôn đời. Chứng tá của các tu sĩ trung thành với Hội Thánh và với gia sản của hội dòng mình, nỗ lực một cách cam đảm và với lòng yêu mến để bênh vực nhân quyền, và để cho Nước Chúa mau đến, trong lãnh vực xã hội, sẽ là một âm vang hữu hiệu của Tin Mừng và của tiếng nói Hội Thánh (x. TT 3). Chứng tá đó sẽ hữu hiệu tuỳ theo mức độ nó biểu lộ được cách công khai quyền năng biến đổi của Đức Kitô trong Hội Thánh, và sinh lực trong đặc sủng của hội dòng đối với con người và thời đại chúng ta đến mức nào.

Sau hết, chính sự kiên trì là một ân huệ của Thiên Chúa giao ước, cũng làm chứng cách thầm lặng nhưng không kém hùng hồn về Thiên Chúa trung tín, Đấng thương yêu chúng ta bằng một tình yêu vô tận.

**VII. Tương quan với Hội Thánh**

**38**. (*Đời tu tham dự vào bản tính vừa huyền nhiệm vừa hữu hình của Hội Thánh*). Đời tu có một vị trí đặc biệt trong tương quan với cơ cấu của Hội Thánh, một cơ cấu do Thiên Chúa thiết lập và có phẩm trật. Đời tu không phải là một bậc ở giữa bậc giáo sĩ và giáo dân, nhưng là một thực tại phát xuất từ cả hai như một ân huệ đặc biệt Thiên Chúa ban cho toàn thể Hội Thánh (x. GH 43; LH 10). Đặc biệt, vì là dấu chỉ bề ngoài và có tính cách xã hội về mầu nhiệm hành động thánh hiến của Thiên Chúa suốt cuộc đời, và vì là dấu chỉ qua trung gian Hội Thánh, nhằm mưu ích cho toàn Nhiệm Thể, nên đời tu thông dự một cách đặc biệt vào bản chất bí tích của Dân Thiên Chúa. Chính vì thế, đời tu là thành phần của Hội Thánh, xét như một mầu nhiệm và như một thực tại xã hội, và không thể có đời tu nếu không có hai khía cạnh này.

**39**. Công Đồng Vatican II đã đề cao thực tại lưỡng diện đó khi nhấn mạnh về bản chất bí tích của Hội Thánh: Hội Thánh vừa tất yếu là một *mầu nhiệm* vô hình, một sự hiệp thông với Thiên Chúa trong đời sống mới theo Thần Khí, đồng thời cũng tất yếu là một *thực tại xã hội*, một cộng đồng nhân loại, đứng đầu có vị đại diện Đức Kitô.

Xét như một *mầu nhiệm* (GH 1), Hội Thánh là một tạo thành mới, được Thần Khí làm cho sống và được quy tụ trong Đức Kitô, để mạnh dạn ra trước ngai ân sủng của Chúa Cha (x. Dt 4,16). Xét như một *thực tại xã hội,* Hội Thánh bao hàm sáng kiến lịch sử của Đức Giê-su Kitô, cuộc vượt qua của Người để về cùng Chúa Cha, quyền bính khách quan cao vời của Người trên Hội Thánh Người đã lập và đặc tính phẩm trật từ quyền bính đó mà ra: việc thiết lập những thừa tác vụ khác nhau nhằm mưu ích cho toàn Thân Thể (GH 18 ; LH 1-5).

Hai khía cạnh *“*cơ chế xã hội và sự hiện diện vô hình của Thiên Chúa liên kết mật thiết với nhau” (LH 3) đem lại cho Hội Thánh *“*một bản chất bí tích đặc biệt, nhờ đó Hội Thánh là bí tích hữu hình của ơn cứu độ duy nhất” (GH 9).

Hội Thánh vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của đức tin, một đức tin mà về cơ bản, vượt lên trên các giới hạn và cách nhìn thuần tuý xã hội học, ngay cả khi Hội Thánh đổi mới các cơ cấu nhân loại của mình, dựa vào các tiến triển lịch sử và các biến chuyển văn hoá (x. LH 3). Ngay bản chất đích thực của Hội Thánh cũng làm cho Hội Thánh vừa là bí tích phổ quát của ơn cứu độ (GH 48), một dấu chỉ hữu hình về mầu nhiệm của Thiên Chúa, vừa là một thực tại có phẩm trật do sự sắp đặt cụ thể của Thiên Chúa, để cho dấu chỉ hữu hình kia có thể xác thực và trở thành hữu hiệu.

**40**. (*Mỗi dòng là một hồng ân nhằm xây dựng Nhiệm Thể*). Đời tu liên quan đến hai khía cạnh đó. Các vị sáng lập dòng xin hàng giáo phẩm trong Hội Thánh công khai chứng nhận ơn Thiên Chúa nhờ đó dòng mình hiện hữu. Khi làm như vậy, các vị sáng lập dòng và những người kế vị cũng làm chứng cho mầu nhiệm của Hội Thánh, vì mỗi hội dòng hiện hữu là để xây dựng Thân Thể Chúa Kitô trong sự hiệp nhất các chức năng và hoạt động khác nhau.

**41**. (*Hàng giáo phẩm và các dòng tu*). Xét về nguồn gốc, các dòng tu tuỳ thuộc vào hàng giáo phẩm theo một cách thức duy nhất. Các giám mục, hiệp thông về phẩm trật với đấng kế vị thánh Phêrô, làm thành giám mục đoàn, nhờ vậy diễn tả, đồng thời thực hiện các chức năng của Đức Kitô – Thủ lãnh trong Hội Thánh, xét như một bí tích (LH 6; GH 2; GM 2). Các ngài không chỉ có trách nhiệm mục vụ là nuôi dưỡng sự sống Đức Kitô trong các tín hữu, mà còn có bổn phận kiểm chứng các ân huệ và các khả năng. Các Giám mục có trách nhiệm phối hợp các năng lực của Hội Thánh và hướng dẫn toàn thể Dân Thiên Chúa, ngõ hầu Dân Thiên Chúa trở thành một dấu chỉ và khí cụ cứu độ trong thế giới. Vì vậy, một cách đặc biệt, các ngài chu toàn tác vụ phân định các ân huệ và sáng kiến đa dạng trong Dân Thiên Chúa. Vì là điển hình của tính cách đa dạng của đặc sủng, các hội dòng tuỳ thuộc tác vụ Thiên Chúa uỷ thác cho hàng giáo phẩm, để xác nhận đặc sủng của vị sáng lập.

**42**. (*Giáo Hội tiếp tục giúp hội dòng được trung thành*). Sự lệ thuộc đó không phải chỉ có lúc hội dòng được nhìn nhận lần đầu tiên, nhưng còn diễn ra trong suốt cả quá trình tiến triển của hội dòng về sau nữa. Hội Thánh không chỉ khai sinh ra hội dòng, mà còn đồng hành, dẫn dắt, sửa chữa và khuyến khích hội dòng trung tín với đặc sủng của vị sáng lập dòng (x. GH 45), vì hội dòng đó là một thành phần liên quan đến chính đời sống và sự tăng trưởng của Hội Thánh.

Hội Thánh nhận các lời tuyên khấn trong hội dòng như một lời khấn đạo đức, với những hệ quả liên quan đến Hội Thánh, hàm chứa trong việc Thiên Chúa thánh hiến qua trung gian của Hội Thánh (x. LH 8). Hội Thánh chính thức trao cho hội dòng một phần sứ vụ của Hội Thánh, hợp với đặc sủng của hội dòng, vừa trên bình diện cụ thể, vừa trên bình diện nhiệm thể (x. GH 17; TG 40).

Hội Thánh trao cho mỗi hội dòng quyền bính cần thiết về mặt tôn giáo, phù hợp với lề luật và hiến pháp đã được phê chuẩn để sống lời khấn tuân phục. Tóm lại, khi nhìn nhận và khuyến khích hình thức đặc biệt của đời thánh hiến này, Hội Thánh không ngừng làm trung gian cho hoạt động thánh hiến của Thiên Chúa một cách đặc biệt.

**43**. (*Mối tương quan giữa tu sĩ và Hội Thánh ở cấp địa phương*). Trong thực tế, mối liên hệ thường xuyên giữa các tu sĩ và Hội Thánh thường được thực hiện phần lớn ở cấp độ giáo phận hay địa phương. Văn kiện *Những liên hệ hỗ tương* hoàn toàn bàn về đề tài này liên quan đến những cách ứng dụng mối liên hệ đó hiện nay.

Ở đây chỉ cần nhắc đến sự hiệp nhất sâu xa giữa đời sống và sứ mạng của Dân Thiên Chúa. Tất cả cùng chia sẻ đời sống và sứ mạng đó, mỗi người tuỳ vai trò và chức năng riêng của mình. Sự đóng góp độc đáo của các tu sĩ vào đời sống và sứ vụ của Hội Thánh là ở bản chất công khai và toàn diện của việc họ thánh hiến đời sống Kitô hữu của họ theo đặc sủng của vị sáng lập dòng, được giáo quyền công nhận.

**VIII. Việc huấn luyện**

**44**. (*Định nghĩa*). Việc huấn luyện người tu sĩ nhằm giúp đời sống tận hiến cho Chúa tăng trưởng, từ những giai đoạn đầu tiên, khi một ứng sinh bắt đầu nghiêm chỉnh nghĩ tới khả năng dấn thân vào con đường tu trì, cho tới lúc hoàn tất chung cục, khi người tu sĩ gặp Chúa cách vĩnh viễn, trong cái chết. Người tu sĩ chấp nhận một lối sống đặc biệt, và chính đời sống đó phải tăng trưởng mãi không ngừng.

Đàng khác, không phải người tu sĩ được kêu gọi và thánh hiến một lần là xong. Tiếng Thiên Chúa kêu gọi và hoạt động thánh hiến của Người phải được người tu sĩ theo đuổi suốt cả cuộc đời. Hai điều đó có khả năng phát triển và đào sâu một cách chúng ta không thể dự đoán được. Hai khía cạnh chính của việc huấn luyện là: phân định khả năng chấp nhận một đời sống có thể giúp trưởng thành nhờ di sản thiêng liêng và nhờ những quy tắc của một hội dòng nhất định, và đồng hành với đời sống đó trong quá trình tiến triển của cá nhân mỗi thành viên trong cộng đoàn.

**45**. (*Nội dung*). Đối với mỗi tu sĩ, việc huấn luyện hệ tại ở việc trở thành môn đệ Đức Kitô mỗi ngày một hơn, bằng sự kết hợp với Người và trở nên đồng hình đồng dạng với Người. Điều đó có nghĩa là càng ngày càng phải thấm nhuần tâm tình của Đức Kitô, mỗi ngày mỗi tham dự sâu hơn vào cuộc hiến dâng của Người cho Chúa Cha và phục vụ anh em Người trong gia đình nhân loại. Người tu sĩ thực hiện sự tăng trưởng đó theo đặc sủng của dòng, đặc sủng này là hình thức sống Tin Mừng của các phần tử trong hội dòng.

Tiến trình đó đòi hỏi một sự hoán cải đích thực. *“*Mặc lấy Đức Giê-su Kitô” (Rm 13,14 ; Gl 3,27 ; Ep 4,24) đòi phải từ bỏ mình và bỏ tính ích kỷ (x. Ep 4,22-24 ; Cl 13,9-10). *“*Đi theo sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần” có nghĩa là không theo *“*các ham muốn của xác thịt” (Gl 5,16). Đối với người tu sĩ, mặc lấy Đức Kitô trong sự khó nghèo, tình yêu, và sự vâng phục của Người phải là mục tiêu chính yếu của đời mình.

Đó là một sự tìm kiếm không có giới hạn. Đó là một hành trình liên tục để đi tới chỗ trưởng thành. Sự trưởng thành này không chỉ liên quan đến những giá trị thiêng liêng, mà còn liên quan đến tất cả những gì góp phần làm cho con người phát triển về các mặt tâm lý, văn hoá và xã hội. Và khi người tu sĩ dần dần tiến đến sự sung mãn của Đức Kitô trong bậc sống của mình, thì lời tuyên bố sau đây của hiến chế *Ánh sáng muôn dân* trở nên xác thực: *“*Việc tuyên khấn các lời khuyên Phúc Âm, tuy bao gồm sự từ bỏ những điều tốt chắc chắn đáng quý, không mâu thuẫn với sự phát triển đích thực con người, mà ngược lại, chính tự bản chất, việc tuyên khấn còn góp phần rất lớn vào việc phát triển đó” (GH 46).

**46**. (*Huấn luyện theo đặc sủng của Dòng*). Việc trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô một cách tiệm tiến được thực hiện theo đặc sủng và những đường hướng của hội dòng trong đó người tu sĩ là phần tử. Mỗi hội dòng có tinh thần riêng, mục đích và truyền thống riêng. Và chính khi sống phù hợp với những yếu tố đó, người tu sĩ lớn lên trong sự kết hợp với Đức Kitô.

Đối với những hội dòng chuyên hoạt động tông đồ, việc huấn luyện nhằm giúp các phần tử chuẩn bị và không ngừng thích ứng với các hoạt động của hội dòng, không phải chỉ nhằm bảo đảm giá trị nghiệp vụ mà còn để trở thành *“*những nhân chứng cho tình yêu vô biên của Chúa Giêsu” (CT 53). Nếu mỗi tu sĩ chấp nhận việc huấn luyện như một trách nhiệm bản thân, thì việc huấn luyện không những là một yếu tố giúp tăng trưởng cá nhân, mà còn là một phúc lành cho cộng đoàn, và một nguồn năng lực phong phú cho hoạt động tông đồ nữa.

**47**. (*Tác nhân huấn luyện: Thiên Chúa, người tu sĩ, các vị huấn luyện, cộng đoàn*). Vì sáng kiến thánh hiến trong đời tu hệ tại ơn Thiên Chúa kêu gọi, nên chính *Thiên Chúa*, tác động qua Thần Khí của Đức Giêsu, là tác nhân đầu tiên và chính yếu trong việc huấn luyện các tu sĩ. *Đức Kitô*hành động qua lời Người và các bí tích, qua kinh nguyện và phụng vụ, qua Huấn quyền của Hội Thánh và, một cách trực tiếp hơn, qua những người được đức vâng phục đặc biệt mời gọi giúp đỡ trong việc huấn luyện anh chị em mình.

Đáp lại ơn Thiên Chúa, và dưới sự hướng dẫn của Người, các *tu sĩ*, với lòng yêu mến, chấp nhận trách nhiệm huấn luyện bản thân và trách nhiệm làm cho mình tăng trưởng, trong khi sẵn sàng đón nhận những hậu quả của lời đáp trả, những hậu quả riêng cho mỗi người và luôn luôn không lường trước được.

Tuy nhiên, lời đáp trả của người tu sĩ không cô độc. Theo truyền thống của các thánh phụ tiên khởi trong sa mạc, và tất cả các đấng lập dòng vĩ đại, các hội dòng đều có những phần tử đặc biệt có khả năng và được chỉ định để giúp đỡ các anh chị em mình trong lãnh vực này. Vai trò của họ thay đổi tuỳ theo người tu sĩ cần được giúp đỡ ở trong giai đoạn nào, nhưng trách nhiệm chính của họ là: phân định tác động của Thiên Chúa, đồng hành với người tu sĩ trên đường lối của Chúa, nuôi dưỡng đời sống của người tu sĩ bằng giáo lý vững chắc và việc thực hành cầu nguyện. Đặc biệt trong những giai đoạn đầu của đời tu, cần phải đánh giá chặng đường đã qua. Vị *giám sư tập sinh* và những người *phụ trách huấn luyện* các khấn sinh trẻ cũng có nhiệm vụ xác minh ơn gọi của người tu sĩ trẻ, cũng như khả năng thích hợp để khấn tạm và khấn vĩnh viễn.

Toàn bộ tiến trình huấn luyện đều được thực hiện trong *cộng đoàn*. Một cộng đoàn cầu nguyện và quảng đại dấn thân, cùng nhau xây dựng sự hợp nhất với Chúa Kitô, và tham gia vào sứ vụ, tạo môi trường thuận lợi cho việc huấn luyện. Một cộng đoàn như thế phải trung thành với hiến pháp, hội nhập vững chắc vào trong hội dòng, trong Hội Thánh và trong xã hội nơi mình phục vụ. Cộng đoàn nâng đỡ các phần tử của mình và, trong suốt cuộc đời của họ, trình bày cho họ một cái nhìn đức tin về mục đích và các giá trị hàm chứa trong sự thánh hiến của họ.

**48**. (*Năm chặng huấn luyện*). Việc huấn luyện không phải làm một lần là xong. Cuộc hành trình đi từ lời mời gọi đầu tiên tới lời đáp trả cuối cùng gồm năm giai đoạn: *thời kỳ tiền tập*, mục đích là tìm hiểu xem có ơn gọi đích thực không, trong mức độ có thể làm được; *tập viện* là giai đoạn khai tâm cho một lối sống mới; *khấn lần đầu* là thời gian để ơn gọi chín mùi trước khi khấn trọn; *khấn trọn và thường huấn* là những năm trưởng thành; và cuối cùng là*thời suy yếu*, bất cứ dưới hình thức nào, đây là giai đoạn chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ Chúa vĩnh viễn.

Mỗi một giai đoạn trên đều có mục đích, nội dung và những đường hướng riêng. Vì tầm quan trọng đặc biệt, các giai đoạn tập viện và tuyên khấn đã được Hội Thánh quy định kỹ lưỡng những nét chính trong giáo luật. Tuy nhiên, còn nhiều yếu tố được dành cho các vị có trách nhiệm của mỗi hội dòng trù liệu. Hiến pháp của hội dòng phải ấn định những chi tiết cụ thể về những điểm mà giáo luật chỉ nêu nguyên tắc.

**IX. Việc quản trị**

**49**. (*Quyền bính trong Giáo Hội*). Việc quản trị các hội dòng hoạt động tông đồ, cũng như mọi phương diện khác trong đời sống của các hội dòng đó, đặt nền tảng trên đức tin và trên lời đáp trả của những người tận hiến cho Thiên Chúa, xét theo tính cách cộng đoàn và sứ vụ. Những người nam nữ này đều là phần tử của các hội dòng có các cơ cấu phản ánh phẩm trật Kitô giáo, đứng đầu là Chúa Kitô. Họ đã chọn sống lời khấn tuân phục như một giá trị của đời sống. Vì vậy, cần có một hình thức quản trị biểu lộ các giá trị đó, và biểu lộ một thể thức quyền bính đặc biệt trong đời tu.

Quyền bính đó, riêng của các dòng tu, không phát xuất từ chính các phần tử. Quyền bính này do Thiên Chúa trao ban qua tác vụ của Hội Thánh khi Hội Thánh chấp nhận và phê chuẩn hiến pháp của hội dòng. Quyền bính này được uỷ thác cho các bề trên trong nhiệm kỳ của các ngài, ở cấp trung ương, tỉnh dòng hay địa phương. Quyền bính này được hành sử theo các quy định trong luật chung của Hội Thánh và luật riêng của hội dòng, trong tinh thần phục vụ và tôn trọng nhân vị mỗi tu sĩ, con cái Thiên Chúa (x. DT 14), khuyến khích họ cộng tác nhằm ích chung của hội dòng, nhưng vẫn dành cho bề trên quyền phân định và quyết định tối hậu về việc phải làm (CT 25). Nói theo nghĩa chặt, quyền bính trong đời tu không thể chia sẻ được. Có thể uỷ nhiệm quyền đó chiếu theo hiến pháp, với những lý do chính đáng; nhưng bình thường, đó là quyền bính *do chức vụ* (ex officio), được trao cho bề trên.

**50**. (*Các hội đồng cố vấn, cộng sự viên của bề trên*). Tuy nhiên, các bề trên không thi hành quyền bính một cách đơn độc. Mỗi bề trên phải có một ban cố vấn, gồm các phần tử cộng tác, giúp đỡ theo như hiến pháp đã quy định. Khác với bề trên, các cố vấn không hành sử quyền bính *do chức vụ*, nhưng cộng tác với bề trên và giúp đỡ bề trên qua các cuộc đầu phiếu có tính cách tham vấn hay biểu quyết, chiếu theo giáo luật và hiến pháp của hội dòng.

**51**. (*Tổng hội*). Quyền tối thượng trong hội dòng cũng được thực thi khi nhóm họp tổng hội, cho dù là ngoại lệ, theo luật chung và luật riêng. Hiến pháp phải quy định rõ quyền của tổng hội và quyền của bề trên tổng quyền. Xét về cơ bản, tổng hội là một định chế *“*chuyên biệt” gồm những thành phần *do chức vụ* (ex officio) mà được tham dự, và những đại biểu được bầu lên bình thường chỉ họp nhau ở một tổng hội mà thôi. Vì là một dấu chỉ của sự hợp nhất trong đức ái, việc tổ chức tổng hội phải là một thời ân sủng và hoạt động của Chúa Thánh Thần trong đời sống của hội dòng. Đây phải là một kinh nghiệm vui mừng, có tính cách phục sinh và Giáo Hội, sinh ích không những cho chính hội dòng mà còn cho cả Hội Thánh nữa, bởi vì tổng hội nhóm họp để đổi mới và bảo vệ di sản thiêng liêng của hội dòng, đồng thời để bầu vị bề trên tổng quyền và các cố vấn, để bàn về những vấn đề quan trọng của hội dòng và đưa ra những quy tắc cho toàn dòng.

Các tu nghị ở những cấp độ khác nhau cũng quan trọng đến nỗi luật riêng của hội dòng phải ấn định kỹ càng những gì liên quan đến tu nghị, ở cấp toàn dòng và ở cấp địa phương: bản chất, quyền hạn, thành phần, cách thức tiến hành và kỳ hạn tổ chức.

**52**. (*Những nguyên tắc quản trị*). Giáo huấn Công Đồng Va-ti-ca-nô II và hậu Công Đồng nhấn mạnh tới vài nguyên tắc về việc quản trị trong đời tu. Những nguyên tắc đó đã đưa tới những thay đổi quan trọng trong hai mươi năm qua. Giáo huấn đó xác định rõ nhu cầu căn bản phải có một quyền bính hữu hiệu và cá nhân trong hội dòng, ở mọi cấp: trung ương, tỉnh dòng và địa phương, để người tu sĩ sống đức tuân phục trong đời tu (x. DT 14 ; CT 25). Công Đồng cũng đã nhấn mạnh tới sự cần thiết phải tham khảo ý kiến để cho các phần tử tham gia thích đáng vào việc quản trị hội dòng của mình, chia sẻ trách nhiệm và bổ trợ quyền bính (x. ES II, 18).

Phần lớn các nguyên tắc đó đều có trong các hiến pháp đã được tu chính. Điều quan trọng là làm sao cho những nguyên tắc đó được hiểu và áp dụng nhằm thực hiện mục đích của việc quản trị trong đời tu: tức là xây dựng một cộng đoàn được kết hợp trong Đức Kitô, nơi đó, người tu sĩ tìm kiếm và yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, đồng thời quảng đại thực hiện sứ vụ của Đức Kitô.

**X. Đức Ma-ri-a, Mẹ các tu sĩ**

**53**. Chính nơi Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa và Mẹ Hội Thánh, đời tu có được một ý thức sâu sắc hơn, và tìm được dấu chỉ chắc chắn của niềm hy vọng (GH 68). Mẹ là Đấng thụ thai mà vẫn tinh tuyền, vì được mời gọi trong Dân Thiên Chúa để cưu mang chính Thiên Chúa cách mật thiết nhất, và rồi trao ban Người cho thế giới. Mẹ đã được thánh hiến trọn vẹn nhờ bóng Chúa Thánh Thần bao phủ.

Mẹ là hòm bia giao ước mới. Mẹ là nữ tỳ của Chúa trong sự khó nghèo của những *“Anawim”* (người nghèo của Thiên Chúa). Mẹ là Mẹ tình yêu tuyệt mỹ, từ Bê-lem cho tới Núi Sọ và xa hơn nữa, là trinh nữ vâng phục mà hai tiếng *“*xin vâng” đáp lại lời Thiên Chúa đã biến đổi dòng lịch sử của chúng ta. Mẹ là người phụ nữ chiêm niệm đã *“*lưu giữ mọi điều trong tâm hồn”, là vị thừa sai vội vã lên đường đến Khép-rôn, là người duy nhất đã nhận thấy nỗi khó khăn của đôi tân hôn ở Ca-na, là chứng nhân trung tín dưới chân thập giá, là trung tâm hiệp nhất giúp Hội Thánh non trẻ đang chờ đón Chúa Thánh Thần. Trong tất cả đời sống của mình, Mẹ Maria đã phản ánh những giá trị thiết yếu của đời tu thánh hiến. Mẹ là Mẹ các tu sĩ, vì là Mẹ Đấng đã được thánh hiến và được sai đi. Tiếng *fiat* và bài ca *magnificat* của Mẹ chứa đựng một cách trọn hảo sự dâng hiến trọn vẹn đối với hoạt động thánh hiến của Thiên Chúa và niềm vui phát sinh từ đó.

**Phần thứ ba**

 **MỘT SỐ QUY TẮC CĂN BẢN KHÁC**

Bộ giáo luật đã được tu chính trình bày giáo huấn phong phú của Công Đồng và hậu Công Đồng về đời tu qua những quy tắc pháp lý. Cùng với những tài liệu của Công Đồng Va-ti-ca-nô II và những bài phát biểu của các Đức giáo hoàng những năm gần đây, Bộ giáo luật thiết lập những nền tảng cho cách thực hành thông thường của Giáo Hội đối với đời tu.

Đời sống thường ngày luôn luôn cần có sự tiến hoá tự nhiên, nhưng thời kỳ thử nghiệm đặc biệt của các dòng tu được trù liệu trong tự sắc *Ecclesiae Sanctae* đã chấm dứt với việc tổ chức tổng hội thường kỳ lần thứ hai sau tổng hội canh tân. Hiện nay, chính Bộ giáo luật đã được tu chính là cơ sở pháp lý của Giáo Hội về đời tu, vừa để lượng giá các kinh nghiệm, vừa hướng về tương lai. *Những quy tắc căn bản dưới đây không phải là đã đầy đủ mọi mặt, nhưng là một tổng hợp rộng rãi về những quy định của Hội Thánh.*

**I. Ơn gọi và sự thánh hiến**

**1**. Đời tu là một lối sống mà một số tín hữu, giáo sĩ hoặc giáo dân, được Thiên Chúa tự do mời gọi. Do đó, họ được hưởng một ân huệ đặc biệt trong đời sống Hội Thánh, và mỗi người một cách, phục vụ sứ mạng cứu độ của Hội Thánh (x. GH 43).

**2**. Ơn gọi tu trì bắt nguồn từ bí tích Thánh Tẩy, nhưng không phải được ban cho tất cả mọi tín hữu. Đó là một ơn huệ nhưng không do Thiên Chúa ban cho những ai Người tự ý tuyển lựa trong Dân Người và vì lợi ích của Dân Người (x. DT 5).

**3**. Khi lãnh nhận ơn thiên triệu, các tu sĩ đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa: đến nỗi họ không chỉ chết cho tội lỗi (Rm 6,11), mà còn từ bỏ thế gian và chỉ sống cho một mình Thiên Chúa. Tất cả cuộc đời của họ nhằm phục vụ Thiên Chúa, đồng thời họ tìm kiếm và yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, Đấng đã yêu thương họ trước (x. 1 Ga 4,10; DT 5 và 6). Đời sống của họ được tập trung vào việc theo Đức Ki-tô một cách mật thiết hơn (CT 7).

**4**. Tận hiến tất cả cuộc đời của người tu sĩ để phục vụ Thiên Chúa là một sự thánh hiến đặc biệt (DT 5). Chính sự dâng hiến toàn thể con người biểu lộ trong Hội Thánh hôn ước Thiên Chúa đã thiết lập và là dấu chỉ đời sống mai hậu. Sự thánh hiến đó được thực hiện bằng những lời khấn công khai, vĩnh viễn hay tạm thời; những lời khấn tạm có thể lặp lại khi mãn hạn. Bằng các lời khấn, người tu sĩ cam kết giữ ba lời khuyên Phúc Âm; họ được thánh hiến cho Thiên Chúa nhờ tác vụ của Hội Thánh (GL 607; 654), và được kết nạp vào hội dòng với các quyền lợi và bổn phận đã được luật dòng quy định.

**5**. Các điều kiện để việc tuyên khấn tạm thành sự, kỳ hạn, và việc có thể kéo dài đã được hiến pháp mỗi hội dòng quy định, luôn phải phù hợp với luật chung của Hội Thánh (GL 655-658).

**6**. Việc tuyên khấn sẽ tiến hành theo công thức khấn của mỗi hội dòng đã được Toà Thánh phê chuẩn. Công thức này chung cho cả hội dòng, bởi vì tất cả các phần tử đều cam kết giữ những điều buộc như nhau.

Cá nhân tu sĩ có thể thêm một phần mở đầu và (hay) một lời kết nếu được bề trên có thẩm quyền cho phép trước.

**7**. Xét theo tính cách và mục đích riêng, mỗi hội dòng phải xác định trong hiến pháp, cách giữ các lời khuyên Phúc Âm về khiết tịnh, thanh bần và tuân phục, theo lối sống đặc thù của mình (GL 598, §1).

**Cộng đoàn**

**8**. Đời sống cộng đoàn, một trong những đặc điểm của đời tu (GL 607, §2), cũng là đặc điểm của mỗi hội dòng. Cộng đoàn quy tụ tất cả các phần tử trong Đức Ki-tô, và phải tổ chức làm sao để mọi người có thể giúp đỡ lẫn nhau, nhờ đó mỗi người có thể đáp lại ơn gọi của mình. Cộng đoàn phải nêu gương hoà giải trong Đức Ki-tô và gương hiệp thông đặt căn bản và ăn rễ sâu trong lòng mến (GL 602).

**9**. Đối với các tu sĩ, đời sống cộng đoàn được cụ thể hoá bằng việc sống trong một nhà được thiết lập hợp pháp, dưới quyền một bề trên được chỉ định theo luật (GL 608). Nhà đó được thiết lập với sự chấp thuận bằng văn bản của Đức giám mục giáo phận (GL 609), và phải có thể cung cấp những nhu cầu cần thiết cho các phần tử (GL 610, §2) giúp đời sống cộng đoàn có thể triển nở trong cảm thông, là điều nuôi dưỡng niềm hy vọng (x. CT 39).

**10**. Mỗi nhà phải có ít nhất một nhà nguyện, để có thể cử hành thánh lễ và lưu giữ Mình Thánh Chúa, để nơi đó thực sự là trung tâm điểm của cộng đoàn (GL 608).

**11**. Trong tất cả các nhà dòng, tuỳ theo đặc tính và sứ vụ của hội dòng và các quy định của luật dòng, phải có một phần nhà được dành riêng cho các tu sĩ (GL 667, §1). Hình thức xa lánh thế gian đó, tuỳ theo mục đích của mỗi hội dòng, làm nên một phần chứng tá công khai của các tu sĩ về Đức Ki-tô và về Hội Thánh (GL 607, §3). Đó cũng là điều cần thiết để giữ sự thinh lặng và tập trung lòng trí giúp cho việc cầu nguyện được thuận lợi.

**12**. Các tu sĩ phải sống trong nhà dòng của mình, và phải tuân giữ đời sống chung. Không được cho phép các tu sĩ sống một mình khi không có lý do hệ trọng, và nhất là không được cho phép sống riêng như vậy, nếu có một cộng đoàn thuộc dòng mình ở gần đấy. Tuy nhiên, trong trường hợp phải vắng mặt lâu vì lý do chính đáng, bề trên thượng cấp với sự đồng ý của ban cố vấn, có thể cho phép một tu sĩ sống ngoài tu viện trong giới hạn giáo luật quy định (GL 665, §1).

**Căn tính**

**13**. Các tu sĩ phải coi việc theo Chúa Ki-tô như Tin Mừng trình bày và được diễn tả trong hiến pháp của hội dòng là luật sống tối thượng (GL 662).

**14**. Tất cả mọi tu sĩ đều phải trung thành tuân giữ bản chất, mục đích, tinh thần và đặc tính của hội dòng mà vị sáng lập dòng đã thiết lập và được Hội Thánh phê chuẩn, cùng với truyền thống lành mạnh của hội dòng (GL 578).

**15**. Để bảo vệ ơn gọi và chân tính của hội dòng, ngoài những gì đã nói ở số 14, hiến pháp của hội dòng phải có những quy tắc căn bản liên quan tới việc quản trị hội dòng, luật sống của các thành viên, việc thâu nhận vào dòng, việc huấn luyện, cùng với đối tượng riêng của các lời khấn (GL 587, §1).

**16**. Hiến pháp phải được giáo quyền có thẩm quyền phê chuẩn. Đối với các hội dòng thuộc quyền giáo phận thì đấng bản quyền địa phương phê chuẩn. Đối với các hội dòng thuộc quyền giáo hoàng thì Toà Thánh phê chuẩn. Các thay đổi hiến pháp sau này nếu có, và cách giải thích chính thức cũng được dành cho các vị có thẩm quyền nói trên (GL 576 và 578, §2).

**17**. Do việc tuyên khấn trong dòng, các phần tử của một hội dòng cam kết tuân giữ hiến pháp với lòng trung thành và yêu mến, vì họ nhìn nhận nơi hiến pháp lối sống đã được Hội Thánh phê chuẩn cho hội dòng, và cách diễn tả trung thực về tinh thần, truyền thống và luật pháp của hội dòng (GL 599).

**Khiết tịnh**

**18**. Lời khuyên Phúc Âm sống khiết tịnh vì Nước Trời là một dấu chỉ về đời sống mai sau và là nguồn mạch của sự phong phú dồi dào hơn nơi một trái tim không chia sẻ. Lời khấn này bao hàm sự bó buộc tiết dục hoàn toàn trong đời sống độc thân.

**19**. Phải rất dè dặt đối với tất cả những gì có thể gây nguy hại cho đức khiết tịnh của người đã được thánh hiến (x. DT 12; GL 666).

**Thanh bần**

**20**. Lời khuyên Phúc Âm về đức thanh bần theo gương Đức Ki-tô đòi hỏi một cuộc sống nghèo trong thực tế và trong tinh thần, chịu khó lao động, thanh đạm và thanh thoát đối với của cải vật chất. Tuyên khấn thanh bần đòi hỏi các tu sĩ phải tuỳ thuộc và biết tự hạn chế trong việc sử dụng và định đoạt các tài sản vật chất chiếu theo luật riêng mỗi hội dòng (GL 600).

**21**. Khi tuyên khấn thanh bần, người tu sĩ từ bỏ việc tự do sử dụng và định đoạt các của cải vật chất. Trước khi khấn lần đầu, tu sĩ phải nhường quyền quản trị của cải của mình cho ai mình muốn, và trừ phi hiến pháp quyết định cách khác, tu sĩ được tự do định đoạt về việc sử dụng, về việc hưởng hoa lợi từ những của cải này (GL 668, §1). Tất cả những gì tu sĩ nhận được do công sức của mình, hay nhận dưới hình thức quà tặng, lương bổng, trợ cấp hay bảo hiểm đều là thu nhập cho hội dòng, trừ phi luật riêng dòng định đoạt khác (Gl 668, §3).

**Tuân phục**

**22**. Trong đức tin, người tu sĩ sống lời khuyên Phúc Âm tuân phục để yêu mến theo Chúa Ki-tô, Đấng đã tuân phục cho đến chết.

**23**. Khi khấn tuân phục, các tu sĩ cam kết đặt ý muốn của mình dưới quyền các bề trên hợp pháp (GL 601) theo hiến pháp. Hiến pháp phải quy định ai có quyền ra lệnh nhân danh đức tuân phục, và trong những trường hợp nào.

**24**. Các hội dòng phải tùng phục quyền tối cao của Hội Thánh một cách đặc biệt (GL 590, §1). Mọi tu sĩ phải tuân phục Đức giáo hoàng như bề trên tối cao của mình, do hiệu năng của lời khấn vâng phục (GL 590, §2).

**25**. Các tu sĩ không được nhận những bổn phận và chức vụ ngoài hội dòng của mình nếu không có phép bề trên hợp pháp (GL 671). Cũng như các giáo sĩ, các tu sĩ không được nhận các chức vụ công cộng đòi phải thi hành quyền bính dân sự (GL 285, §3 ; cũng xem GL 672 và các khoản khác có liên quan).

**Cầu nguyện và khổ chế**

**26**. Bổn phận đầu tiên và chính yếu của các tu sĩ là chuyên cần kết hợp với Thiên Chúa trong việc cầu nguyện. Các tu sĩ tham dự thánh lễ mỗi ngày khi có thể được và năng lãnh nhận bí tích hoà giải.

Việc đọc Kinh Thánh, nguyện gẫm, kính cẩn cử hành Các giờ kinh phụng vụ theo quy định của luật dòng, sùng kính Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, tĩnh tâm hằng năm, đó là tất cả những yếu tố thuộc về đời sống cầu nguyện của các tu sĩ (GL 663, 664, 1174).

**27**. Việc cầu nguyện phải vừa có tính cách cá nhân vừa có tính cách cộng đoàn.

**28**. Để không ngừng trở về với Phúc Âm, cần phải có một sự khổ chế quảng đại và kiên bền (x. *Poenitemini*II-III,1c). Vì vậy, các cộng đoàn tu sĩ không phải chỉ là những nhóm cầu nguyện, nhưng còn là những cộng đoàn sám hối trong Hội Thánh. Việc hãm mình không phải chỉ ở bên trong và có tính cách cá nhân mà còn phải bộc lộ ra bên ngoài và có tính cách cộng đoàn nữa (CN 14 ; PV 110).

**Việc tông đồ**

**29**. Việc tông đồ của mọi tu sĩ trước hết nằm trong chứng tá đời sống thánh hiến; họ phải nuôi dưỡng đời sống này bằng việc cầu nguyện và hãm mình (GL 673).

**30**. Hoạt động tông đồ thuộc về chính bản chất của các hội dòng chuyên làm việc tông đồ. Do đó đời sống các phần tử phải thấm nhuần tinh thần tông đồ, và mọi hoạt động tông đồ của họ phải thấm nhuần tinh thần tu trì (GL 675, §1).

**31**. Sứ mạng chính yếu của các tu sĩ dấn thân làm việc tông đồ là loan báo Lời Thiên Chúa cho những người mà Thiên Chúa đã đặt trên đường đi của họ, nhằm dẫn đưa những người ấy tới đức tin. Một ân huệ như vậy đòi hỏi một sự kết hiệp sâu xa với Chúa, giúp cho các tu sĩ có thể truyền đạt sứ điệp của Ngôi Lời nhập thể bằng một ngôn ngữ mà thế giới hiện nay có thể hiểu được (x. CT 9).

**32**. Hoạt động tông đồ phải được thực hiện trong sự hiệp thông với Hội Thánh, nhân danh Hội Thánh và do sự uỷ nhiệm của Hội Thánh (GL 677, §3).

**33**. Các bề trên và các tu sĩ phải trung thành duy trì sứ vụ và những việc tông đồ riêng của hội dòng, phải khôn ngoan thích nghi các hoạt động ấy với những nhu cầu của thời đại và nơi chốn (GL 677, §1).

**34**. Trong tương quan hoạt động tông đồ với các giám mục, tu sĩ phải tuân giữ các khoản 678-683 của giáo luật. Cách riêng họ có bổn phận phải lưu tâm đặc biệt tới huấn quyền của hàng giáo phẩm, và giúp các giám mục dễ dàng thực thi tác vụ giáo huấn và trung thực làm chứng cho chân lý của Thiên Chúa (LH 33; GH 25).

**Chứng tá**

**35**. Chứng tá của các tu sĩ có tính cách công khai. Chứng tá công khai về Đức Kitô và về Hội Thánh bao hàm sự xa cách thế gian theo như đặc tính và mục đích của mỗi hội dòng (GL 607, §3).

**36**. Các hội dòng phải cố gắng nêu lên chứng tá tập thể một cách nào đó về đức bác ái và đức thanh bần (GL 640).

**37**. Các tu sĩ phải mang tu phục của hội dòng mình như luật riêng đã quy định. Đó là dấu chỉ sự thánh hiến và chứng tá đức thanh bần (GL 669, §1).

**Huấn luyện**

**38**. Không ai có thể được nhận vào đời tu mà không được chuẩn bị thích đáng (GL 597, §2).

**39**. Các điều kiện chi phối sự hữu hiệu của việc thâu nhận ứng sinh, cho thời kỳ tập viện, cho các lần tuyên khấn tạm và vĩnh viễn đã được ghi trong luật chung của Hội Thánh và luật riêng mỗi hội dòng (GL 641-658). Đối với những quy định về nơi chốn, thời hạn, chương trình và việc điều hành năm tập, kể cả những điều kiện về một vị giám sư tập sinh cũng vậy.

**40**. Thời gian huấn luyện giữa khấn lần đầu và khấn vĩnh viễn phải được hiến pháp quy định, phù hợp với giáo luật (GL 655; 659; §2).

**41**. Các tu sĩ phải tiếp tục việc huấn luyện thiêng liêng, giáo lý và thực hành suốt cuộc đời, bằng cách sử dụng các cơ hội và thời giờ mà các bề trên đã trù liệu cho việc này (GL 661).

**Quản trị**

**42**. Việc thiết lập các hình thức bền vững của đời sống thánh hiến qua việc phê chuẩn theo giáo luật thuộc thẩm quyền Hội Thánh (GL 576).

Việc sáp nhập nhiều hội dòng (GL 580), và chuẩn y hiến pháp cũng thuộc quyền các vị nói trên (GL 587, §2). Các việc hợp nhất, liên kết, liên đoàn, bãi bỏ và thay đổi liên quan tới những quy định trước đây đã được Toà Thánh phê chuẩn, cũng thuộc quyền Toà Thánh (GL 582-584).

**43**. Quyền quản trị các dòng tu được trao cho các bề trên. Các ngài thi hành quyền này theo các quy tắc của giáo luật và luật dòng (GL 617). Quyền này do Thiên Chúa ban cho các ngài qua tác vụ của Hội Thánh (GL 618).

Quyền của một bề trên, bất kỳ ở cấp nào, có tính cách cá nhân và không thể do một nhóm thực thi. Trong một thời gian rõ rệt và với mục đích nhất định, bề trên có thể uỷ quyền cho một người đã được chỉ định.

**44**. Các bề trên phải chu toàn nhiệm vụ cách quảng đại, cùng với anh chị em mình xây dựng một cộng đoàn trong Đức Ki-tô, ở đó, mọi người lo tìm kiếm và yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự.

Trong vai trò phục vụ, các bề trên có bổn phận riêng là quản trị đúng theo hiến pháp và cổ võ sự thánh thiện của các phần tử. Về phương diện cá nhân, các bề trên phải nêu gương trung tín với huấn quyền của Hội Thánh, cũng như với luật lệ và truyền thống của hội dòng mình. Các bề trên cũng phải nuôi dưỡng đời sống tận hiến của các tu sĩ bằng sự quan tâm, sửa bảo, nâng đỡ và kiên nhẫn chịu đựng (GL 619).

**45**. Các điều kiện bổ nhiệm và bầu cử, nhiệm kỳ các bề trên, và thể thức bầu cử vị bề trên tổng quyền được hiến pháp quy định chiếu theo giáo luật (GL 623-625).

**46**. Theo quy định của hiến pháp, các bề trên phải có ban cố vấn giúp đỡ trong việc thực thi trách nhiệm. Ngoài các trường hợp giáo luật quy định, luật dòng phải ấn định những trường hợp, trong đó bề trên phải được ban cố vấn đồng ý hoặc cho ý kiến để quyết định của các ngài có hiệu lực (GL 627, §1 và §2).

**47**. Tổng hội phải là dấu chỉ đích thực của sự hợp nhất của hội dòng trong đức bác ái. Tổng hội đại diện toàn thể hội dòng, và đang khi nhóm họp, tổng hội có quyền tối thượng, chiếu theo giáo luật và hiến pháp (GL 631).

Tổng hội không phải là một cơ quan thường trực; thành phần, hạn kỳ họp và chức năng của tổng hội do hiến pháp (GL 631, §2) quy định. Một tổng hội không được thay đổi thành phần của mình, nhưng có thể đề nghị những thay đổi về thành viên cho các tổng hội sau. Các thay đổi đó phải được thẩm quyền Hội Thánh phê chuẩn. Tổng hội có thể thay đổi những yếu tố nào trong luật riêng của dòng mà không cần giáo quyền chuẩn y.

**48**. Không nên triệu tập các tu nghị gần nhau quá, để khỏi làm ngăn trở việc thi hành quyền bính thông thường của một bề trên thượng cấp. Luật riêng phải quy định rõ ràng bản chất, quyền bính, thành phần, thể thức tiến hành và kỳ hạn nhóm họp của tu nghị hay các hội nghị tương tự trong dòng (GL 632). Trong thực tế, các yếu tố trên phải được dự trù trong hiến pháp.

**49**. Những quy định về tài sản vật chất (GL 634-640) và việc quản trị các tài sản, những quy định về việc chuyển dòng, hồi tục hay sa thải (GL 684-704) cũng có trong giáo luật, và phải được nhắc tới trong hiến pháp, ít là vắn tắt.

**KẾT LUẬN**

Những quy tắc trên đây, căn cứ vào giáo huấn truyền thống, căn cứ vào Bộ giáo luật đã được tu chính và việc thực hành thông thường, không nêu lên hết được những gì Hội Thánh đã quy định về đời tu. Tuy nhiên những quy tắc đó chứng tỏ Hội Thánh âu yếm lo sao cho đời sống trong các hội dòng chuyên lo việc tông đồ được mỗi ngày triển nở thêm như một ân huệ Thiên Chúa ban cho Hội Thánh và cho gia đình nhân loại. Bộ các tu sĩ và tu hội đời mong rằng văn kiện này – đã được Đức thánh cha phê chuẩn – sẽ giúp các hội dòng tiếp thu các quy định mới của Giáo Hội, liên quan tới các hội dòng, và đặt các quy định ấy vào trong bối cảnh đạo lý của chúng. Hy vọng rằng các tu sĩ sẽ tìm được trong văn kiện này một sự khích lệ để theo Chúa Kitô sát hơn, với một niềm hy vọng và vui mừng trong cuộc đời thánh hiến của mình.

 Vatican, ngày 31 tháng 5 năm 1983
 Lễ Đức Mẹ thăm viếng